

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10478/UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2023

V/v tiếp thu, giải trình Báo cáo  
thẩm tra dự thảo Nghị quyết về  
việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch  
đầu tư công trung hạn giai đoạn  
2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch  
đầu tư công năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Báo cáo số 129/BC-BKTNS ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023; trên cơ sở báo cáo, tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4040/SKHĐT-TH ngày 09/10/2023, UBND tỉnh tiếp thu và giải trình các nội dung như sau:

**1. Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023**

Trong năm 2023, UBND tỉnh và các địa phương đã có những chỉ đạo sát sao liên quan đến việc đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng<sup>1</sup>, đồng thời tại Tờ trình số 9691/TTr-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh cũng đã đề ra một số giải pháp chỉ đạo đẩy nhanh việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo giải quyết các vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án lớn, trọng điểm do các Ban Quản lý dự án của tỉnh làm chủ đầu tư. Thực hiện đầy đủ quy trình công khai, minh bạch và đối thoại với các đối tượng bị thu hồi đất để thuyết phục, khắc phục những thiếu sót nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thắc mắc, khiếu kiện của người có đất bị thu hồi, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án được giao. Sẵn sàng áp dụng các biện pháp mạnh đối với các trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ đã tính đúng, đủ và đảm bảo đúng chế độ chính sách, pháp luật và đã giải

<sup>1</sup> Thông báo số 317/TB-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp làm việc với UBND thành phố Nha Trang về công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Nha Trang; Thông báo số 839-TB/TU ngày 10/8/2023 của Thành ủy Nha Trang về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy Nha Trang tại cuộc họp nghe báo cáo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố;...



thích, vận động, đối thoại công khai, nhưng vẫn cố tình khiêu nại không bàn giao mặt bằng.

## **2. Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025**

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thực hiện rà soát, bổ sung các dự án, nội dung đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

- Chưa đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đối với các dự án trọng điểm<sup>2</sup>, dự án theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền<sup>3</sup> chưa kịp hoàn thành thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các dự án này, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư để đủ điều kiện trình HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại các kỳ họp tiếp theo của HĐND tỉnh theo quy định.

- Tiếp tục cập nhật, bổ sung các dự án đã trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp thứ 11<sup>4</sup> vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 để chi trả Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Nhà nghỉ dưỡng 378 - Bộ Công an là 830 triệu đồng; bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện đầu tư theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Đầu tư công là 85 tỷ đồng.

## **3. Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023**

*a) Làm rõ việc tuân thủ quy định tại khoản 8 Điều 67 Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật về đầu tư công trong việc UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn cho các chương trình, dự án*

<sup>2</sup> Gồm các dự án: Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng; Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; Bảo tàng Alexandre Yersin; Xây dựng Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa; Khu liên hợp thể thao tỉnh Khánh Hòa; Phát triển tích hợp thích ứng - Tiểu dự án tỉnh Khánh Hòa; Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II); Sửa chữa, nâng cấp hồ Đá Bàn; Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung; Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa (để kết nối cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đến cảng Nam Vân Phong); Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa; Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa; Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội đặc thù của tỉnh; Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã; Đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ phát triển Khu kinh tế Vân Phong.

<sup>3</sup> Gồm các dự án: Sửa chữa, cải tạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa; Sửa chữa đập dâng Gò Mè, huyện Diên Khánh; Sửa chữa kênh và công trình trên kênh chính Bắc - Đập dâng Sông Cái; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn.

<sup>4</sup> Gồm các dự án: Tu bổ di tích Trường Phú Diên Khánh; Xây dựng Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Căn cứ Khoản 8 Điều 67 Luật Đầu tư công quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”.

Theo đó, do cần phải giao kế hoạch vốn sớm để triển khai thực hiện một số dự án trọng điểm, cấp thiết theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, đồng thời nhằm góp phần hoàn thành việc phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn năm 2023 cho các dự án (bao gồm: dự án Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa là 75,372 tỷ đồng<sup>5</sup>; dự án Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa là 9,76 tỷ đồng<sup>6</sup>; dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang là 0,8 tỷ đồng<sup>7</sup>) tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 và Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 với tổng kế hoạch vốn giao là 85,932 tỷ đồng và phân bổ vốn đợt 4 cho các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 22,123 tỷ đồng<sup>8</sup> tại Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp lần này theo quy định tại khoản 8 Điều 67 Luật Đầu tư công.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, trong thời gian tới UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn các chương trình, dự án theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 67 và Điều 83 Luật Đầu tư công.

b) Làm rõ việc chưa phân bổ nguồn vốn từ Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh cho huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh để hỗ trợ nhà ở theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

<sup>5</sup> Dự án Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa thuộc danh mục dự án trọng điểm của tỉnh theo Nghị quyết số 25-NQ/TU của Tỉnh ủy.

<sup>6</sup> Việc bố trí kế hoạch vốn năm 2023 cho dự án Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa là cấp thiết để đảm bảo tiến độ đi vào hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa vào ngày 30/9/2023.

<sup>7</sup> Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 317/TB-UBND ngày 19/7/2023 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp làm việc với UBND thành phố Nha Trang về công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Nha Trang, trong đó có nội dung chỉ đạo đối với dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang: “Giao UBND thành phố Nha Trang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan, để tổ chức triển khai thi công trong tháng 12/2023, nhằm tạo quỹ đất bố trí tái định cư cho các dự án trọng điểm của tỉnh”.

<sup>8</sup> Do tính cấp thiết cần phải giao kế hoạch vốn sớm để triển khai thực hiện dự án thuộc Chương trình theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, kịp thời hỗ trợ địa phương triển khai thi công các công trình, tránh mùa mưa lũ.

Đối với dự án hỗ trợ nhà ở theo Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Khánh Hòa: tổng số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ là 80 triệu đồng/căn, gồm ngân sách trung ương 40 triệu đồng/căn và ngân sách địa phương từ nguồn vốn theo Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa là 40 triệu đồng/căn (Nghị quyết 11/2023/NQ-HĐND tỉnh ngày 21/7/2023).

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, để kịp thời phân bổ nguồn vốn hỗ trợ nhà ở 02 huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh từ nguồn NSTW và nguồn vốn ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã cập nhật bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND là 5.400 triệu đồng (huyện Khánh Vĩnh 3.400 triệu đồng; huyện Khánh Sơn 2.000 triệu đồng) vào kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 của Chương trình.

*c) Rà soát danh mục dự án, chi bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 đối với các dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công*

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát danh mục dự án, đảm bảo chi bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 đối với các dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công. Theo đó, chưa bố trí kế hoạch vốn năm 2023 đối với các dự án thuộc Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025<sup>9</sup> và các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới<sup>10</sup> chưa kịp hoàn thành thủ tục phê duyệt đầu tư dự án theo quy định

Đồng thời, UBND tỉnh báo cáo bổ sung về việc phân bổ vốn đầu tư công năm 2023 như sau:

*(1) Bố trí vốn thực hiện đầu tư năm 2023 cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt*

Trên cơ sở nhu cầu bố trí vốn thực hiện và cam kết giải ngân của các chủ đầu tư, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh bố trí nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh năm 2023 cho các dự án như sau:

<sup>9</sup> Dự án Đập dâng Suối Ta Bô xã Sơn Bình và dự án Đập dâng Tô Hạp 1.

<sup>10</sup> Hiện nay, còn 03 dự án chưa hoàn thành phê duyệt quyết định đầu tư gồm Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám và Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học (hỗ trợ đầu tư để huyện Diên Khánh đạt tiêu chí giáo dục của huyện nông thôn mới), Trường THCS Trần Quốc Tuấn, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hoà (hỗ trợ đầu tư để xã Ninh Phụng đạt xã nông thôn mới nâng cao năm 2023) dẫn đến vốn Chương trình năm 2023 còn 11.035 triệu đồng chưa phân bổ; số vốn này sẽ được điều chuyển cho các chương trình, dự án khác có nhu cầu.

Bố trí vốn thực hiện cho các dự án theo ngành, lĩnh vực, cụ thể: 14 dự án Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã (21 tỷ đồng)<sup>11</sup>; dự án Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung (600 triệu đồng); Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Nhà nghỉ dưỡng 378 - Bộ Công an (830 triệu đồng); bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 cho dự án Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm (5 tỷ đồng).

*(2) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện và cấp xã theo ngành, lĩnh vực*

Trên cơ sở Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh việc phân cấp cho HĐND cấp huyện và cấp cơ sở để tăng cường tính chủ động, chịu trách nhiệm trong việc phân bổ kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh năm 2023 bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện và cấp xã theo ngành, lĩnh vực với tổng kế hoạch vốn là 85 tỷ đồng.

#### **4. Về tình hình thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm**

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch đầy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, đồng thời sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, các chủ đầu tư dự án khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định, bảo đảm các điều kiện bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 để thực hiện.

UBND tỉnh kính báo cáo./.

*(Gửi kèm:*

*- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

<sup>11</sup> 14 dự án, bao gồm: Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh; Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thành, huyện Khánh Vĩnh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên An, huyện Diên Khánh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Phú, huyện Diên Khánh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Tân, huyện Diên Khánh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh; Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh; Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa; Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa; Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa; Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa.

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
  - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
  - LĐ VPUBND tỉnh;
  - Lưu: VT + TLe, TL.
- ĐTC-10.4

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Lê Hữu Hoàng**

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023; kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

**Điều 2.** Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày      tháng      năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- UBND, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HĐT, VN.

**CHỦ TỊCH**





STT	Đơn vị tiếp nhận dự án, người, địa chỉ	Chức danh tiếp nhận	Địa chỉ đơn vị	Dự kiến (tên dự án, số báo đăng báo)	Quyết định chấp thuận (số báo đăng báo, ngày tháng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (tính toán)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (tính toán)			Kế hoạch vốn năm 2023 (tính toán)			Ghi chú			
						Số quyết định chấp thuận	TMĐT		Tổng số (đồng)	Tổng số (đồng)	Trong đó:		Tổng số (đồng)	Tổng số (đồng)	Trong đó:		Tổng số (đồng)		Tổng số (đồng)	Trong đó:	
							Vốn NS	Vốn NSYTW, ODA			Vốn NSYTW, ODA	Vốn NSYTW, ODA			Vốn NSYTW, ODA	Vốn NSYTW, ODA				Vốn NSYTW, ODA	Vốn NSYTW, ODA
2	Kế bộ phương Vĩnh Nguyên	Số báo đăng báo	Thị trấn	2016-2023	4000/1000	181.635	81.635	100.000	65.000	65.000	-15.000	50.000	50.000	0	0	0	0	0	0		
3	Tung thành xã, tỉnh Quảng Bình	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	5000/1000	66.009	9.260	56.749	900	500	-400	100	100	0	0	0	0	0	0		
4	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc-Khánh Hòa	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	9.000	9.000	3.540	9.000	2.294	85	2.294	2.294	2.294	0	0	0	0	0		
5	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam-Khánh Hòa	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	1.837	1.837	580	1.837	203	-7	196	196	196	0	0	0	0	0		
6	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc-Khánh Hòa	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	10.350	10.350	4.733	10.350	1.933	-400	1.433	1.433	1.433	0	0	0	0	0		
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, khu vực Khu dân cư Mỹ Thành, xã Cẩm Thành Đông, thành phố Cẩm Lệ - Cẩm Lệ, tỉnh Quảng Bình	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	299.662	99.662	200.000	70.000	31.000	549	236	783	783	0	0	0	0	0		
8	Hệ thống kênh cấp nước Chi Tô (Kênh Yên Địch - đoạn thượng lưu)	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	24.100	24.100	539	24.000	0	500	500	500	500	0	0	0	0	0		
9	Hỗ trợ đầu tư ứng dụng sản xuất tại xã Ninh Hòa (năm 2021-2025)	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	500	500	197	500	100	-15	85	85	85	0	0	0	0	0		
10	Kế hoạch xây dựng Cầu đường tại xã Ninh Hòa	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	4.906	4.900	1.000	4.850	3.900	-50	3.850	3.850	3.850	0	0	0	0	0		
11	Hỗ trợ công nhân sản xuất huyện Đan Xuyên (năm 2021-2025)	Số báo đăng báo	Quận Lệ Sơn	2021-2025	4000/1000	420	420	170	420	100	-10	90	90	90	0	0	0	0	0		

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa chỉ XD	Dự kiến khởi công	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn NSRP	Điểm tính (tăng/giảm) kế hoạch vốn năm 2023				Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi sửa chỉnh				Ghi chú
						Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							Vốn NS hình	Vốn NS ANSVN, ODA		Vốn NSDCB tập trung	Vốn NSDCB tập trung		Vốn đầu tư công	Vốn đầu tư công		Vốn NSDCB tập trung	Vốn NSDCB tập trung	
22	Ko hồ sơ, hươu sống Tô Giang, đơn vị Quốc lộ 1A đến đập Hòa Thuận ở Vạn Phúc	Thống Nhất và Hợp Phát	Thị trấn Vạn Phúc	2023	1500/2023/ĐQĐ-TT	50.000	30.000	20.000	20.000	5.552	5.552	25.552	25.552	0	0	0	0	0
33	Kế hoạch số 10/2023/KH-LĐM của UBND tỉnh Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tại các tuyến phố thuộc Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	UBND tỉnh Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	2023	10/2023/KH-LĐM	39.493	30.870	20.000	20.000	9.000	9.000	25.000	25.000	0	0	0	0	0
14	Kế hoạch số 10/2023/KH-LĐM của UBND tỉnh Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tại các tuyến phố thuộc Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	UBND tỉnh Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	2023	10/2023/KH-LĐM	80.000	24.500	45.000	6.300	-1.400	-1.400	4.900	4.900	0	0	0	0	0
VII	Giáo dục					134.863	131.863	5.000	-14.617	-14.617	-14.617	322.246	313.203	9.043	0	0	0	0
1	Đầu tư xây dựng phần 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường số 10/2023/KH-LĐM của UBND tỉnh Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tại các tuyến phố thuộc Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	UBND tỉnh Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	2023	10/2023/KH-LĐM	10.436.343	1.100	1.100	1.100	-1.100	-1.100	0	0	0	0	0	0	0
2	Sửa chữa đường ĐT.652G (Tỉnh lộ 5)	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2023	10/2023/KH-LĐM	14.000	14.000	14.300	14.300	-2.300	-2.300	11.650	11.650	0	0	0	0	0
3	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2023	10/2023/KH-LĐM	10.380	10.380	10.380	10.380	-280	-280	10.100	10.100	0	0	0	0	0
4	Sửa chữa đường Ba Cụt (Thị trấn Minh Sơn)	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2023	10/2023/KH-LĐM	6.640	6.640	6.630	6.630	-780	-780	5.850	5.850	0	0	0	0	0
5	Xây dựng cầu Ông Trung (Cầu Chũy) trên đường Tô Hiệp - Sơn Bình	ĐVTY	Huyện Minh Sơn	2023	10/2023/KH-LĐM	7.467	7.467	7.460	7.460	-460	-460	7.000	7.000	0	0	0	0	0
6	Đường Tỉnh lộ 3	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2018-2023	10/2023/KH-LĐM	340.750	340.750	86.903	86.903	-13.000	-13.000	73.903	73.903	0	0	0	0	0
7	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi) (Quảng C1)	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2021-2023	10/2023/KH-LĐM	197.340	29.000	120.000	5.000	4.043	4.043	4.043	4.043	0	0	0	0	0
8	Đường vào khu dân cư Bắc Sơn (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi) (Quảng C1)	ĐVTY	Thị trấn Minh Sơn	2021-2023	10/2023/KH-LĐM	6.000	6.000	5.000	5.000	-300	-300	4.700	4.700	0	0	0	0	0
VIII	Hệ thống chiếu sáng công cộng và lắp đặt đèn đường					11.334	11.334	-2.183	-2.183	-2.183	-2.183	9.151	9.151	0	0	0	0	0









PHỤ LỤC 2

GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (ĐỢT 4)

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT		Trong đó: vốn NS tỉnh	Tổng tất cả nguồn vốn	
	<b>TỔNG SỐ</b>							156.222	156.222	156.222
<b>A</b>	<b>ĐÁ PHẤN BÓ 03 ĐỢT</b>							101.324	101.324	101.324
<b>B</b>	<b>PHẦN BÓ CHI TIẾT ĐỢT 4</b>							54.898	54.898	54.898
<b>I</b>	<b>THỊ XÃ NINH HÒA</b>							45.839	45.839	45.839
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao năm 2023									
<b>1</b>	<b>Xã Ninh Bình</b>							5.966	5.966	5.966
	Xây dựng hàng rào và nâng cấp Công viên xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình	Xã Ninh Bình	2023	119/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.000		300	300	300
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Bình	2023	15184/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2023	6.498		1.949	1.949	1.949
	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Bình	2023	15125/QĐ-CTUBND ngày 02/10/2023	5.196		1.559	1.559	1.559
	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiều (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Bình	2023	15126/QĐ-CTUBND ngày 02/10/2023	7.194		2.158	2.158	2.158
<b>2</b>	<b>Xã Ninh Hưng</b>							7.527	7.527	7.527
	Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nối giữa chợ chính và chợ cá)	UBND xã Ninh Hưng	Xã Ninh Hưng	2023	251/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	1.189		357	357	357

STT	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Trong đó: vốn NS tỉnh	Tổng tất cả nguồn vốn	
	Xây dựng Trường mầm non Ninh Hưng (04 Phòng học, Khối hành chính quản trị, khối phụ trợ, nhà bếp, nhà kho, sửa chữa phòng học giáo dục thể chất, nghệ thuật, sân chơi).	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Hưng	2023	15132/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2023	9.673	2.902	2.902	2.902	
	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Hưng (02 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, văn phòng, phòng nghỉ giáo viên, phòng Đảng đoàn thể, phòng tư vấn học đường, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, cổng tường rào)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Hưng	2023	15081/QĐ-CTUBND ngày 29/9/2023	7.299	2.190	2.190	2.190	
	Xây dựng Trường THCS Ngô Gia Tự (Sửa chữa 10 phòng học, khối hành chính quản trị, xây mới 04 phòng học bộ môn, phòng tư vấn học đường, phòng tổ chuyên môn, nhà kho, phòng nghỉ giáo viên)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Hưng	2023	15124/QĐ-CTUBND ngày 02/10/2023	6.928	2.078	2.078	2.078	
3	<b>Xã Ninh Phụng</b>							<b>5.921</b>	<b>5.921</b>	
	Đường giao thông thôn Đại Cát 2. Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yên	UBND xã Ninh Phụng	Xã Ninh Phụng	2023	257/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	2.298	1.609	1.609	1.609	
	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, công, tường rào)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Phụng	2023-2024	15080/QĐ-CTUBND ngày 29/9/2023	10.987	3.296	3.296	3.296	
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Phụng	2023	15131/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2023	1.065	320	320	320	
	Lắp đặt hệ thống Đại truyền thanh	UBND xã Ninh Phụng	Xã Ninh Phụng	2023	102/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	994	696	696	696	
*	<b>Hỗ trợ đầu tư xã NTM năm 2024</b>									
4	<b>Xã Ninh Tây</b>							<b>19.980</b>	<b>19.980</b>	
	Đường trục xã đoạn BTXM từ Khu dân cư C3 Buôn Sím đến Buôn Lác	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	326/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	6.600	4.620	4.620	4.620	

STT	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó: vốn NS tỉnh		Tổng tất cả nguồn vốn	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	Đường liên xã đoạn BTXM từ ngã 3 nhà ông Cao Dũng đến ngã ba rẫy Ông Nguyễn Thành Long thôn Xóm Mới	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	327/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.020	714		714	714	
	Đường GTNT đoạn từ rẫy Ông Trần Sĩ Nghệ đến rẫy Ông Tú thôn Buôn Lác	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	328/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	2.000	1.400		1.400	1.400	
	Đường GTNT đoạn từ nhà Ông Nguyễn Tiến Đặng đến giáp tuyến 28	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	329/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.120	784		784	784	
	Đường nội đồng từ Rẫy ông Y Sĩ Bươn Đung đến rẫy ông Y Hướng thôn Buôn Đung	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	330/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	950	665		665	665	
	Đường cấp phối đá dăm đoạn từ rẫy ông Hương đến rẫy Ông Sơn	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	331/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.150	805		805	805	
	Đường BTXM đoạn từ rẫy ông An đi Suối Chinh	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	332/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	390	273		273	273	
	Đoạn nội đồng BTXM rẫy Bà Cù đến rẫy Ông Thọ	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	333/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.140	798		798	798	
	Năng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	337/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.179	354		354	354	
	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khởi hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Tây	2023-2024	15134/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2023	18.397	5.519		5.519	5.519	
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Xây dựng khởi hành chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	Xã Ninh Tây	2023-2024	15133/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2023	10.901	3.270		3.270	3.270	
	Đài truyền thanh xã Ninh Tây	UBND xã Ninh Tây	Xã Ninh Tây	2023	404/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.112	778		778	778	
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao năm 2024										
5	Xã Ninh Tân								700	700	
	Đường từ ngã tư tuyến M đến tỉnh lộ 5	UBND xã Ninh Tân	Xã Ninh Tân	2023	74/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	1.000	700		700	700	

STT	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó: vốn NS tỉnh		Tổng tất cả nguồn vốn	Trong đó: vốn NS tỉnh	
*	Hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng tiêu chí										
6	Xã Ninh Lộc										
	Kiên cố hóa kênh mương Rút Đình	UBND xã Ninh Lộc	Xã Ninh Lộc	2023							
	Kiên cố kênh mương Cái	UBND xã Ninh Lộc	Xã Ninh Lộc	2023							
*	Bổ trí lại xã NTM năm 2022										
7	Xã Ninh Phú										
	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên xã đoạn từ cầu Hội Phú đến cầu Biện Đẹp	UBND xã Ninh Phú	Xã Ninh Phú	2022							
	Trung tâm văn hoá thể thao xã	UBND xã Ninh Phú	Xã Ninh Phú	2022							
	Đầu tư thiết lập mới hệ thống đài truyền thanh xã	UBND xã Ninh Phú	Xã Ninh Phú	2022							
8	Xã Ninh Thượng										
	Đường từ giáp HL 6 - Tân Hiệp (Hòn Tre)	UBND xã Ninh Thượng	Xã Ninh Thượng	2022							
	Tuyến đường nội đồng từ đường ông Phan Thông đến Farm	UBND xã Ninh Thượng	Xã Ninh Thượng	2022							
	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang (HL6)	UBND xã Ninh Thượng	Xã Ninh Thượng	2022							
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	UBND xã Ninh Thượng	Xã Ninh Thượng	2022							
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH										
*	Hỗ trợ Bớt tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020										
	Xây dựng nhà kho HTX Suối Hiệp 1	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2023-2024							

S T T	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HI	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Chi chủ
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó: vốn NS tỉnh		Tổng tất cả nguồn vốn	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	Xây dựng xưởng chế biến HTX Suối Hiệp 1	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2023-2024	68/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	998	559	559	559	559	
	Nhà máy sấy HTX NN Suối Tiên	UBND xã Suối Tiên	Xã Suối Tiên	2023	07/QĐ-UBND/XD ngày 08/8/2023	999	559	559	559	559	
	Nhà máy xay xát lúa gạo HTX NN Suối Hiệp 1	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2023-2024	137/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	2.000	1.120	1.120	1.120	1.120	
III	<b>HUYỆN CAM LÂM</b>										
*	<i>Hỗ trợ đầu tư xã NTM năm 2024</i>										
1	Xã Sơn Tân								360	360	
	Nâng cấp, sửa chữa tường rào, sân trường lát gạch, nhà vệ sinh Trường Tiểu học Sơn Tân	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2023	612/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	1.200	360	360	360	360	
2	Xã Cam Phước Tây									687	
	Sửa chữa, nâng cấp công tường rào, xây mới hệ thống nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	UBND xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2023	120/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	1.098	329	329	329	329	
	Xây mới hệ thống hồ bơi khu liên hợp thể thao xã	UBND xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2023	119/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	1.193	358	358	358	358	
*	<i>Hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng tiêu chí</i>										
2	Xã Suối Cát								1.169	1.169	
	Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân Trường Tiểu học Suối Cát	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Suối Cát	2023-2024	638/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	3.896	1.169	1.169	1.169	1.169	
IV	<b>THÀNH PHỐ CAM RANH</b>										
*	<i>Hỗ trợ đầu tư xã NTM năm 2025</i>										
1	Xã Cam Phước Đông										
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Bà Hùng thôn Giải Phóng	UBND xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	287/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.186	830	830	830	830	
									2.431	2.431	
									4.046	4.046	

S T T	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí năm 2022	Kế hoạch 2023		Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó: vốn NS tỉnh		Tổng tất cả nguồn vốn	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái âm Đại An	UBND xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	289/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.089	762	762	762	762	
	Kênh mương nội đồng Văn Sơn, thôn Suối Môn - Hòa Bình	UBND xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	288/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.198	839	839	839	839	
2	Xã Cam Thịnh Tây							1.615	1.615	1.615	
	Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	UBND xã Cam Thịnh Tây	Xã Cam Thịnh Tây	2023	173/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.117	782		782	782	
	Nâng cấp, mở rộng công thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	UBND xã Cam Thịnh Tây	Xã Cam Thịnh Tây	2023	172/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.190	833		833	833	







Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

**Điều 2.** Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày      tháng      năm 2023./.

#### *Nơi nhận:*

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

**CHỦ TỊCH**











**PHỤ LỤC 2**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỐ TRÍ CHO  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH KHÁNH HÒA  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		952.816	409.795	543.021	
<b>1</b>	<b>HUYỆN VẠN NINH</b>		23.495	3.623	19.872	
<b>1</b>	<b>Xã Vạn Hưng</b>		900		900	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		900		900	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Hưng giai đoạn 2021-2030	2023	400		400	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Hưng giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	
<b>2</b>	<b>Xã Vạn Lương</b>		1.300		1.300	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		1.300		1.300	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Lương giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Lương giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
<b>3</b>	<b>Xã Vạn Phú</b>		1.300		1.300	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		1.300		1.300	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Phú giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Phú giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
<b>4</b>	<b>Xã Vạn Bình</b>		900		900	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		900		900	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Bình giai đoạn 2021-2030	2024	400		400	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Bình giai đoạn 2021-2030	2024	500		500	
<b>5</b>	<b>Xã Vạn Thắng</b>		1.300		1.300	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		1.300		1.300	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vạn Thắng 2021-2030	2023	500		500	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Vạn Thắng giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
<b>6</b>	<b>Xã Vạn Khánh</b>		9.795	2.549	7.246	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		1.300		1.300	
<i>1</i>	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vạn Khánh 2021-2030	2023	500		500	
<i>2</i>	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Vạn Khánh giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
<i>b</i>	<i>Trường học</i>		2.599	780	1.819	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Trường Mầm non Vạn Khánh: Xây mới 02 phòng học, nhà trực, nhà xe, sửa chữa 3 phòng học (điểm Hội Khánh); thiết bị (điểm Tiên Ninh)	2021	2.300	690	1.610	
2	Trường TH Vạn Khánh 2; Hạng mục: Sửa chữa cửa tầng trệt và sơn sửa khối lớp học 08 phòng (02 tầng)	2021	299	90	209	
c	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		5.896	1.769	4.127	
1	Nhà văn hóa và Khu thể thao xã (Hạng mục Hội trường đa năng 200 chỗ ngồi)	2021	2.999	900	2.099	
2	Nâng nền sân thể thao, xây tường rào	2021	2.897	869	2.028	
7	<b>Xã Vạn Long</b>		1.300		1.300	
a	<b>Quy hoạch</b>		1.300		1.300	
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vạn Long 2021-2030	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Vạn Long giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
8	<b>Xã Vạn Phước</b>		1.300		1.300	
a	<b>Quy hoạch</b>		1.300		1.300	
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vạn Phước 2021-2030	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Vạn Phước giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
9	<b>Xã Vạn Thọ</b>		1.300		1.300	
a	<b>Quy hoạch</b>		1.300		1.300	
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vạn Thọ 2021-2030	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Vạn Thọ giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	
10	<b>Xã Xuân Sơn</b>		3.200	570	2.630	
a	<b>Quy hoạch</b>		1.300		1.300	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư	2023	800		800	
b	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		1.900	570	1.330	
	Trung tâm văn hóa thể thao xã và Công viên	2023	1.900	570	1.330	
11	<b>Thị trấn Vạn Giã</b>		900	504	396	
a	<b>Hỗ trợ theo QĐ1804</b>		900	504	396	
	Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn Vạn Giã (Nâng cấp nhà kho và Xây dựng trạm bơm điện)	2023	900	504	396	
II	<b>THỊ XÃ NINH HÒA</b>		445.385	195.748	249.637	
I	<b>Xã Ninh Bình</b>		35.670	6.270	29.400	
a	<b>Quy hoạch</b>		700		700	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	400		400	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	300		300	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		5.960		5.960	
1	Đường trục xóm từ nhà ông Huỳnh Phước đến nhà bà Non	2023	600		600	
2	Đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Bình đến nhà ông Cang (thôn Phong Ấp)	2023	350		350	
3	Đường BTXM từ nhà ông Bất đến nhà ông Huỳnh Xứ	2023	900		900	
4	Đường BTXM từ nhà ông Tuấn đến nhà bà Chấn	2023	400		400	
5	Đường BTXM từ chợ Phong Ấp đến nhà ông Cường	2023	300		300	
6	Đường BTXM từ đội thuê đến nhà Nguyễn Đường	2023	600		600	
7	Đường BTXM từ nhà ông Úc đến nhà Nguyễn Nhân (thôn Tân Thừa)	2023	600		600	
8	Đường BTXM từ nhà ông Cán đến nhà ông Bắp	2023	250		250	
9	Đường BTXM từ nhà ông Tâm đến nhà ông Bạch	2023	400		400	
10	Đường BTXM từ Nghĩa trang Dông Đền đến Ngũ Mỹ, Ninh Xuân	2023	1.200		1.200	
11	Đường BTXM từ nhà ông Lê Văn Đức đến nhà ông Dũng	2023	360		360	
<i>c</i>	<i>Trường học</i>		18.900	5.670	13.230	
1	Xây dựng Trường mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	2023	6.500	1.950	4.550	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	2023	5.200	1.560	3.640	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	2023	7.200	2.160	5.040	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		6.500	600	5.900	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc và nhà vệ sinh Sân vận động)	2023	1.000	300	700	
2	Xây dựng hàng rào và nâng cấp Công viên xã Ninh Bình	2023	1.000	300	700	
3	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
4	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
5	Xây dựng khu thể thao thôn Tuấn Thừa xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	
6	Xây dựng khu thể thao thôn Phước Lý xã Ninh Bình	2023	800		800	
7	Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2023	700		700	
<i>đ</i>	<i>Nghĩa trang xã</i>		3.610		3.610	
	Nghĩa trang xã Ninh Bình (tường bao, đường nội bộ)	2023	3.610		3.610	
2	Xã Ninh Đông		15.788	6.851	8.937	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		520		520	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		8.171	2.448	5.723	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường thôn Phước Thuận: Ngã 3 đi Chùa Thiên Ân - ngã 3 ông Thế. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa đường BTXM đoạn từ nhà ông Thưng đến nhà ông Hùng Tuất	2022	1.150	805	345	
2	Đường BTXM liên xóm thôn Phú Nghĩa: đoạn 1 từ nhà ông Võ Dũng đến nhà ông Nguyễn Cứ, đoạn 2 từ Nhà ông Nguyễn Ngọc Hùng đến nhà ông Trần Minh Quang	2022	342		342	
3	Đường BTXM thôn Phước Thuận đoạn 1 từ đường liên xã đến nhà ông Hồ Nhất; đoạn 2 từ đường liên xã đến nhà ông Cao Minh Văn; đoạn 3 từ đường liên xã đến nhà ông Huỳnh Đay, đoạn 4 từ đường liên xã đến nhà ông Lê Kim Võ	2022	1.150		1.150	
4	Đường BTXM liên xóm thôn Văn Định: đoạn 1 từ nhà ông Nguyễn Thành Long đến nhà ông Châu Ba, đoạn 2 từ tuyến đường gom đường sắt đến nhà bà Lăng	2022	800		800	
5	Đường BTXM liên xóm thôn Quang Đông: đoạn 1 từ nhà ông Huỳnh Văn Trạn đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, đoạn 2 từ nhà bà Phan Thị Giác đến nhà ông Nguyễn Hữu Hải, đoạn 3 từ đường liên xóm đến nhà Võ Văn Nghệ; đoạn 4 từ nhà ông Nguyễn Khương đến nhà ông Nguyễn Nhâm, đoạn 5 từ nhà ông Diệp Năng Sơn đến nhà ông Võ Nghiệp	2022	1.250		1.250	
6	Đường BTXM thôn Quang Đông, đoạn 1 từ nhà ông Kỳ - nhà ông Biện, đoạn 2 từ nhà ông Sê - nhà bà Xang	2022	1.132		1.132	
7	Đường nội đồng thôn Phước Thuận từ kênh N47 đến gò Phận	2022	1.147	803	344	
8	Đường nội đồng thôn Nội Mỹ từ kênh N4 đến nhà ông Ngự	2022	1.200	840	360	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		4.906	3.434	1.472	
1	Kiên cố hóa kênh mương Gắn hạ (581m)	2024	1.162	813	349	
2	Kiên cố hóa kênh mương Nhà Trường (572m)	2024	1.144	801	343	
3	Kiên cố hóa kênh mương rút rộc Văn Định đoạn từ nhà bà Đục đến Cầu Đòn	2024	1.300	910	390	
4	Kiên cố hóa kênh mương bùn Nội Mỹ	2025	1.300	910	390	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		991	297	694	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2022	300	90	210	
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Hồ bơi)	2023	691	207	484	
<i>đ</i>	<i>Hỗ trợ theo QĐ 1804</i>		1.200	672	528	
	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng HTX sản xuất rau an toàn Ninh Đông. Hạng mục xưởng sơ chế biển + Nhà kho	2024	1.200	672	528	
3	Xã Ninh Hưng		42.026	17.968	24.058	
<i>h</i>	<i>Quy hoạch</i>		1.100		1.100	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2023	800		800	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		11.996	8.397	3.599	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2023	1.200	840	360	
2	Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Xoài	2023	950	665	285	
3	Đường thôn Phú Đa từ nhà ông Thảo đến đường liên thôn	2023	1.200	840	360	
4	Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghệ đến nhà bà Hương	2023	750	525	225	
5	Đường thôn Trường Lộc từ khu quy hoạch ông Mậu đến Chợ xã	2023	1.000	700	300	
6	Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sấn đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Nhàu	2023	1.200	840	360	
7	Nâng cấp đường thôn Trường Lộc đoạn từ nhà bà Giáng đến nhà ông Vỹ	2023	1.200	840	360	
8	Nâng cấp đường thôn Gò Sấn đoạn Tinh lộ 5 cũ	2023	1.196	837	359	
9	Đường nội đồng khu sản xuất Tráng Cám đoạn từ trại ông Chơn đến trại ông Phở	2023	2.200	1.540	660	
10	Nâng cấp đường liên thôn Phú Đa - Phụng Cang	2023	1.100	770	330	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>2.230</b>	<b>1.561</b>	<b>669</b>	
1	Kiên cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Đa	2023	1.100	770	330	
2	Kiên cố hóa kênh mương Cái thôn Phụng Cang	2023	830	581	249	
3	Kiên cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2023	300	210	90	
<b>d</b>	<b>Trường học</b>		<b>24.000</b>	<b>7.200</b>	<b>16.800</b>	
1	Xây dựng Trường mầm non Ninh Hưng (04 Phòng học, Khối hành chính quản trị, khối phụ trợ, nhà bếp, nhà kho sửa chữa phòng học giáo dục thể chất, nghệ thuật, Sân chơi).	2023	9.700	2.910	6.790	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Hưng (02 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, văn phòng, phòng nghỉ giáo viên, phòng Đảng đoàn thể, phòng tư vấn học đường, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, cổng tường rào)	2023	7.300	2.190	5.110	
3	Xây dựng Trường THCS Ngô Gia Tự (Sửa chữa 10 phòng học, khối hành chính quản trị, xây mới 04 phòng học bộ môn, phòng tư vấn học đường, phòng tổ chuyên môn, nhà kho, phòng nghỉ giáo viên )	2023	7.000	2.100	4.900	
<b>d</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>1.200</b>	<b>360</b>	<b>840</b>	
	Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nối giữa chợ chính và chợ cá)	2023	1.200	360	840	
<b>e</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.500</b>	<b>450</b>	<b>1.050</b>	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, công phụ, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	1.500	450	1.050	
4	Xã Ninh Ích		<b>17.396</b>	<b>9.153</b>	<b>8.243</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>14.576</b>	<b>8.803</b>	<b>5.773</b>	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Chử đến nhà ông Long	2025	1.134	794	340	
2	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà bà Yến đến nhà ông Xí	2025	1.219	853	366	
3	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dặm thôn Ngọc Diêm	2025	500		500	
4	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mân đến nhà ông Dầy thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Chờ thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	
6	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2025	300		300	
7	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghê đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2025	300		300	
8	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2025	300		300	
9	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Sáu đến nhà ông Xưa	2025	2.499	1.749	750	
10	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Xưa đến nhà ông Chử	2025	1.724	1.207	517	
11	BTXM đường nội đồng từ nhà ông Hát đến Khatoco	2024	2.000	1.400	600	
12	BTXM đường nội đồng từ nhà bà May đến ruộng Máng	2025	4.000	2.800	1.200	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		500	350	150	
1	Kiểm cố hóa kênh mương ruộng ông thận, bà huôn	2025	500	350	150	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.800		1.800	
1	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2025	300		300	
2	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2025	300		300	
3	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2025	300		300	
4	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đào	2025	300		300	
5	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	
6	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2025	300		300	
<b>5</b>	<b>Xã Ninh Lộc</b>		<b>32.298</b>	<b>12.172</b>	<b>20.126</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		200		200	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		12.533	4.287	8.246	
1	Đường liên thôn nhà ông Phê đến nhà bà Vân Thôn Ninh Đức	2021	1.224	857	367	
2	Đường ngõ xóm từ nhà ông Huệ đến nhà bà Phích thôn Phong Thạnh	2021	381		381	
3	Đường ngõ xóm từ nhà ông Chút đến nhà ông Toán thôn Tam Ích	2021	613		613	
4	Đường ngõ xóm từ nhà ông Thành đến nhà ông Vinh thôn Vạn Khê	2021	754		754	
5	Đường ngõ xóm từ nhà ông Thắng đến nhà ông Rôi thôn Mỹ Lợi	2021	464		464	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
6	Đường ngõ xóm từ nhà ông An đến nhà bà Bao thôn Mỹ Lợi	2021	382		382	
7	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đa đến nhà ông Kha thôn Mỹ Lợi	2021	351		351	
8	Đường ngõ xóm từ nhà sinh hoạt cộng đồng đến giáp đường Trung tâm hành chính xã	2021	729		729	
9	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đai đến nhà bà Thảo thôn Phong Thạnh	2021	1.076		1.076	
10	Đường ngõ xóm từ nhà ông Bình đến nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Thù	2021	297		297	
11	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đắc đến nhà ông Dũ thôn Mỹ Lợi	2021	417		417	
12	Đường ngõ xóm từ nhà ông Tịnh đến nhà ông Phương thôn Tam Ích	2021	229		229	
13	Đường ngõ xóm từ nhà bà Luyến đến nhà ông Nho thôn Mỹ Lợi	2021	316		316	
14	Đường nội đồng giáp đường Hòn Một đến núi Hòn Một thôn Mỹ Lợi	2021	1.139	797	342	
15	Đường nội đồng giáp gò Đình đến núi Thơm	2021	1.149	804	345	
16	Đường nội đồng giáp đường núi Hòn Một đến núi Thơm đoạn 1	2021	1.322	925	397	
17	Đường ngõ xóm từ cầu Hầm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2024	400		400	
18	Đường nội đồng từ nhà ông Khiển đến Gò Giữa thôn Phong Thạnh	2024	1.291	904	387	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		<b>8.129</b>	<b>5.690</b>	<b>2.439</b>	
1	Kiến cố hóa kênh mương Giữa	2021	1.051	736	315	
2	Kiến cố hóa kênh mương ông Thang thôn Phong Thạnh	2023	1.239	867	372	
3	Kiến cố hóa kênh mương Trầu	2023	1.206	844	362	
4	Kiến cố hóa kênh mương Bọng đoạn cuối	2024	1.400	980	420	
5	Kiến cố hóa kênh mương Trảng Thờ	2025	1.100	770	330	
6	Kiến cố hóa kênh mương Rút Đình	2023	1.029	720	309	
7	Kiến cố hóa kênh mương Cái	2023	1.104	773	331	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>8.886</b>	<b>1.235</b>	<b>7.651</b>	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã	2021	3.216	965	2.251	
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Mỹ Lợi	2021	1.192		1.192	
3	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Khê	2021	1.192		1.192	
4	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tam Ích	2021	1.195		1.195	
5	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Lệ Cam	2021	1.191		1.191	
6	Công trình sân bóng đá mini	2024	900	270	630	
<i>đ</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		<b>1.800</b>	<b>540</b>	<b>1.260</b>	
	Chợ Ninh Lộc (Xây dựng kiot và nền chợ)	2024	1.800	540	1.260	
<i>e</i>	<i>Hạ tầng hợp tác xã</i>		<b>750</b>	<b>420</b>	<b>330</b>	
	Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến, mua sắm tu cấp đồng của Hợp tác xã Nông nghiệp Ninh Lộc	2024	750	420	330	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>6</b>	<b>Xã Ninh Phú</b>		<b>20.350</b>	<b>7.305</b>	<b>13.045</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>2.200</b>		<b>2.200</b>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	200		200	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2022	2.000		2.000	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<b>8.000</b>	<b>4.900</b>	<b>3.100</b>	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên xã: Đoạn từ Cầu Hội Phú đến Cầu Biện Đẹp	2022	2.000	1.400	600	
2	Đường giao thông nông thôn thôn Văn Định Bằng Phước: Đoạn từ giáp đường BTXM liên thôn đến nhà ông Hiệp	2022	1.000	700	300	
3	Đường BTXM thôn Hội Phú Bắc 2: Đoạn nhà ông Thuốt; Đoạn nhà ông Thống; Đoạn nhà bà Kim anh	2022	1.000	700	300	
4	Đường BTXM thôn Lệ Cam: Đoạn từ Nhà ông Tường đến nhà ông Võ Ân	2022	1.000		1.000	
5	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Diên: Đoạn từ nhà ông Lật đến nhà ông Lựt	2022	1.000	700	300	
6	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà bà Xệ đến ruộng ông Thanh	2022	1.000	700	300	
7	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà ông Mỹ đến nhà ông phương, đoạn giáp Ninh Đa	2022	1.000	700	300	
<i>c</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>7.600</b>	<b>900</b>	<b>6.700</b>	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2022	3.000	900	2.100	
2	Xây dựng Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tiên Du 1	2022	2.000		2.000	
3	Nâng nền, xây dựng công, tường rào, nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2022	1.300		1.300	
4	Nâng nền, xây dựng công, tường rào, nhà văn hóa, khu thể thao thôn Lệ Cam	2022	1.300		1.300	
<i>d</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		<b>550</b>	<b>385</b>	<b>165</b>	
	Đầu tư thiết lập mới hệ thống đài truyền thanh xã	2022	550	385	165	
<i>d</i>	<i>Hạ tầng hợp tác xã</i>		<b>2.000</b>	<b>1.120</b>	<b>880</b>	
	Xây dựng xưởng sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2023	2.000	1.120	880	
<b>7</b>	<b>Xã Ninh Phụng</b>		<b>45.263</b>	<b>10.740</b>	<b>34.523</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>1.700</b>		<b>1.700</b>	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	1.200		1.200	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<b>7.913</b>	<b>2.840</b>	<b>5.073</b>	
1	Đường liên thôn Vĩnh Phước - Phú Bình	2023	1.695	1.187	508	
2	Đường giao thông thôn Đại Cát 2. Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yến	2023	2.362	1.653	709	
3	Đường ngõ, xóm thôn Xuân Hòa 2; Hạng mục: Nhánh 1: Từ nhà ông Hưng - nhà ông Hương; Nhánh 2: Từ nhà ông Tình - nhà bà Thảo	2023	1.356		1.356	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
4	Đường ngõ, xóm thôn Xuân Hòa 2; Hạng mục: Nhánh 1: Đoạn từ QL26 đến nhà ông Lê Lòng; Nhánh 2: Từ QL 26 đến trạm điện.	2023	800		800	
5	Đường ngõ, xóm thôn Phú Bình; Hạng mục: Nhánh 1: từ nhà ông Lành - nhà Xuân Anh; Nhánh 2: từ đường ĐH8 - nhà ông Minh; Nhánh 3: từ đường ĐH8 - nhà ông Thông	2023	1.700		1.700	
<b>c</b>	<b>Trường học</b>		<b>23.500</b>	<b>7.050</b>	<b>16.450</b>	
1	Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn (khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng Y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao)	2023	11.000	3.300	7.700	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, công, tường rào)	2023	11.000	3.300	7.700	
3	Xây dựng Trường mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	2023	1.500	450	1.050	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>11.150</b>	<b>150</b>	<b>11.000</b>	
1	Xây dựng Khu thể thao thôn Xuân Hòa 1	2023	1.000		1.000	
2	Xây dựng Khu thể thao thôn Vĩnh Phước	2023	1.000		1.000	
3	Nâng cấp cải tạo khu thể thao Diềm Tịnh	2023	1.200		1.200	
4	Xây dựng Khu thể thao thôn Nghi Phụng	2023	1.000		1.000	
5	Nâng cấp cải tạo khu thể thao Đại Cát 1	2023	1.100		1.100	
6	Xây dựng Khu thể thao thôn Phú Bình	2023	1.000		1.000	
7	Xây dựng Khu thể thao thôn Đại Cát 2	2023	1.000		1.000	
1	Tung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	500	150	350	
8	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Diềm Tịnh	2023	1.150		1.150	
9	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2023	1.050		1.050	
10	Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2023	1.150		1.150	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		<b>1.000</b>	<b>700</b>	<b>300</b>	
	Lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh	2023	1.000	700	300	
<b>8</b>	<b>Xã Ninh Quang</b>		<b>14.920</b>	<b>9.764</b>	<b>5.156</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>400</b>		<b>400</b>	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2023	200		200	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>3.400</b>	<b>2.380</b>	<b>1.020</b>	
1	Đường nội đồng từ Hội trường thôn Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chính thôn Phước Lộc	2024	750	525	225	
2	Đường nội đồng từ Cầu Đúc đến giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hòa	2024	800	560	240	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
3	Đường nội đồng từ nhà ông Hương thôn Phú Hòa đến mương Tre	2024	500	350	150	
4	Đường cấp phối từ nhà ông Ngâm thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thạnh Mỹ	2024	750	525	225	
5	Đường nội đồng Trại Cây Đới 5 thôn Phú Hòa	2024	600	420	180	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		<b>10.120</b>	<b>7.084</b>	<b>3.036</b>	
1	Kênh mương BTXM từ N12A đến nhà ông Lộc thôn Tân Quang	2023	1.227	859	368	
2	Kênh mương BTXM từ đập ông Phích đến nhà ông Đạt thôn Tân Quang	2023	993	695	298	
3	Kênh mương BTXM từ đường nội đồng Đới 3 Phú Hòa đến nhà bà Cút thôn Phú Hòa	2023	1.200	840	360	
4	Kênh mương BTXM từ gấn 4 thôn đến Đình thôn Vạn Hữu	2023	1.100	770	330	
5	Kênh mương BTXM từ Miếu Phụ Đăng đến đường nội đồng Đới 3 thôn Phú Hòa	2023	1.100	770	330	
6	Kênh mương BTXM N12B nhánh 1	2024	1.200	840	360	
7	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	
8	Kênh mương BTXM đồng Cạnh Buồm	2024	800	560	240	
9	Kênh mương BTXM đồng Cây Ké	2024	500	350	150	
10	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 1	2024	500	350	150	
11	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>1.000</b>	<b>300</b>	<b>700</b>	
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	1.000	300	700	
9	Xã Ninh Sim		<b>520</b>		<b>520</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>520</b>		<b>520</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
10	Xã Ninh Sơn		<b>30.353</b>	<b>15.168</b>	<b>15.185</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>520</b>		<b>520</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<b>13.973</b>	<b>9.781</b>	<b>4.192</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 5, đoạn từ TL7 đến nhà ông Thắng	2023	1.193	835	358	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 4, đoạn từ TL7 đến cầu Ba Lý	2024	3.600	2.520	1.080	
3	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.240	868	372	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kịp	2024	1.200	840	360	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tinh Lộ 7 đến nhà ông Lâm	2025	1.040	728	312	
7	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
8	Đường trục nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Toán đến đất bà Minh	2024	900	630	270	
9	Đường trục nội đồng thôn 5, đoạn từ đất ông Khiêm đến đất ông Bán	2024	1.210	847	363	
10	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL7 đến mương NC2	2025	1.210	847	363	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>4.820</b>	<b>3.374</b>	<b>1.446</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	2024	1.240	868	372	
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Toàn	2024	1.180	826	354	
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>7.750</b>	<b>1.026</b>	<b>6.724</b>	
1	Nhà thi đấu đa năng xã Ninh Sơn	2024	3.420	1.026	2.394	
1	Công tường rào khu thể thao thôn 2	2024	620		620	
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200		1.200	
3	Công tường rào khu thể thao thôn 3	2024	620		620	
4	Công tường rào khu thể thao thôn 4	2024	680		680	
5	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 1	2024	1.210		1.210	
<b>đ</b>	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>		<b>1.190</b>	<b>357</b>	<b>833</b>	
	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	
<b>e</b>	<b>Môi trường</b>		<b>1.200</b>		<b>1.200</b>	
	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200		1.200	
<b>g</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		<b>900</b>	<b>630</b>	<b>270</b>	
	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	
<b>11</b>	<b>Xã Ninh Tân</b>		<b>28.950</b>	<b>20.125</b>	<b>8.825</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>200</b>		<b>200</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>26.600</b>	<b>18.620</b>	<b>7.980</b>	
1	Đường nối tuyến D và Đ	2024	400	280	120	
2	Đường từ TL 5 cũ đến ruộng đồng nghĩa xanh	2024	700	490	210	
3	Đường từ ngã tư tuyến M đến tỉnh lộ 5	2023	1.000	700	300	
4	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiền	2024	1.000	700	300	
5	Tràn dân quân đến đất ông thọ	2024	1.000	700	300	
6	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhon	2024	600	420	180	
7	Nâng cấp đường tuyến 2000 ( Hướng bắc )	2024	1.100	770	330	
8	Đường nối tuyến 2400 ( Phía bắc )	2024	600	420	180	
9	Tràn từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bộ Đội	2024	1.000	700	300	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
10	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Ben đến Thác Bông Lau	2024	1.000	700	300	
11	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	
12	Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hàn	2024	1.000	700	300	
13	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đá	2024	1.000	700	300	
14	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	
15	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lạ	2024	500	350	150	
16	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	
17	Đường tuyến 2600 ( từ TL5) đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	
18	Đường từ Bùi Thị Hằng đến đập suối lữ	2024	1.000	700	300	
19	Đường từ đất ông Quảng đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	
20	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	
21	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	
22	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	
23	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	
24	Đường từ đất ông Quảng đến trại Nấm	2024	1.000	700	300	
25	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	2.150	1.505	645	
26	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuôi	2024	1.000	700	300	
27	Đường từ TL 8 đến đất Ông Thành	2024	1.100	770	330	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		<b>2.150</b>	<b>1.505</b>	<b>645</b>	
1	Kênh mương nghĩa xanh phía Nam	2023	1.000	700	300	
2	Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.150	805	345	
12	<b>Xã Ninh Tây</b>		<b>54.540</b>	<b>24.784</b>	<b>29.756</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>550</b>		<b>550</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	550		550	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<b>21.130</b>	<b>14.014</b>	<b>7.116</b>	
1	Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyền đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2023	1.150	805	345	
2	Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chỉnh	2023	1.000	700	300	
3	Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến nhà ông Y Dú	2023	3.500	2.450	1.050	
4	Đường trục xã đoạn BTXM từ Khu dân cư C3 Buôn Sim đến Buôn Lác	2023	6.600	4.620	1.980	
5	Đường liên xã đoạn BTXM từ ngã 3 nhà ông Cao Dũng đến ngã ba rẫy Ông Nguyễn Thành Long thôn Xóm Mới	2023	1.020	714	306	
6	Đường GTNT đoạn từ rẫy Ông Trần Sĩ Nghệ đến rẫy ông Tú thôn Buôn Lác	2023	2.000	1.400	600	
7	Đường GTNT đoạn từ nhà Ông Nguyễn Tiến Đặng đến giáp tuyến 28	2023	1.120	784	336	
8	Đường ngõ xóm đoạn BTXM từ nhà ông Quốc QL26 đến đường BTXM vào Suối Tre	2023	590		590	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
9	Đường ngõ xóm đoạn BTXM từ QL26 đến nhà ông Huỳnh Thanh Sơn	2023	390		390	
10	Đường ngõ xóm đoạn BTXM từ QL26 thôn Xóm Mới đến nhà ông Chánh thôn Xóm Mới	2023	130		130	
11	Đường nội đồng từ Rẫy ông Y Si Buôn Đung đến rẫy ông Y Huống thôn Buôn Đung	2023	950	665	285	
12	Đường cấp phối đá dăm đoạn từ rẫy ông Hương đến rẫy Ông Sơn	2023	1.150	805	345	
13	Đường BTXM đoạn từ rẫy ông An đi Suối Chình	2023	390	273	117	
14	Đoạn nội đồng BTXM rẫy Bà Cừ đến rẫy Ông Thọ	2023	1.140	798	342	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.150</b>	<b>805</b>	<b>345</b>	
1	Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2023	1.150	805	345	
<b>d</b>	<b>Trường học</b>		<b>29.400</b>	<b>8.820</b>	<b>20.580</b>	
1	Xây dựng trường tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	2023	18.400	5.520	12.880	
2	Xây dựng trường mầm non Ninh Tây (Xây dựng khối hành chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho)	2023	11.000	3.300	7.700	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.180</b>	<b>354</b>	<b>826</b>	
	Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	2023	1.180	354	826	
<b>e</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		<b>1.130</b>	<b>791</b>	<b>339</b>	
	Đài truyền thanh xã	2023	1.130	791	339	
<b>13</b>	<b>Xã Ninh Thân</b>		<b>27.340</b>	<b>12.798</b>	<b>14.542</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>520</b>		<b>520</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>19.620</b>	<b>10.458</b>	<b>9.162</b>	
1	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Yển)	2024	2.900	2.030	870	
2	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Tôn)	2024	720	504	216	
3	Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơ	2024	400	280	120	
4	Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	
5	Đường liên thôn từ cống ông Bương đến đình Tân Phong	2024	800	560	240	
6	Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cẩm	2024	520	364	156	
7	Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoán đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	
8	Đường trục xóm Nhĩ Sự (Đình Nhĩ Sự đến giếng làng)	2024	680		680	
9	Đường trục xóm Nhĩ Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	240		240	
10	Đường trục xóm Nhĩ Sự (nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)	2024	700		700	
11	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Trây)	2024	180		180	
12	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xú đến nhà ông Nhói)	2024	400		400	

S/TT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
13	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400		400	
14	Đường ngõ xóm Mỹ Hoán (nhà ông Ngôn đến nhà ông Út)	2024	500		500	
15	Đường ngõ xóm Mỹ Hoán (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	
16	Đường ngõ xóm Nhĩ Sự (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	
17	Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông Bằng)	2024	500		500	
18	Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	
19	Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Học Nhứt	2024	1.200	840	360	
20	Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	
21	Đường liên thôn Đại Tập ông Luyện và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	
22	Đường liên thôn WB2 nhà ông Cán và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	
23	Đường liên thôn từ nhà bà Xưa đến nhà ông Hiền và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	
24	Đường trục xóm nhà ông Ngọc đến nhà ông Quang	2024	300		300	
25	Đường nội đồng đồng mốc ND1-ND2 và nhánh rẽ bà Hương đến ND1	2024	600	420	180	
26	Đường nội đồng từ đường liên xã đến Đình Đại Tập	2024	600	420	180	
<b>c</b>	<b>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</b>		<b>1.200</b>	<b>840</b>	<b>360</b>	
	Đoạn mương từ đường nội đồng Lỗ Bò đến ruộng 5%UBND xã	2024	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>5.000</b>	<b>1.500</b>	<b>3.500</b>	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2024	5.000	1.500	3.500	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	
	Công trình bãi rác mới	2024	1.000		1.000	
<b>14</b>	<b>Xã Ninh Thượng</b>		<b>28.418</b>	<b>16.799</b>	<b>11.619</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>250</b>		<b>250</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	250		250	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>21.765</b>	<b>15.238</b>	<b>6.527</b>	
<b>1</b>	Đường trục thôn Tân Từ gđ 2, tuyến nhánh ông Độ	2022	1.102	771	331	
<b>2</b>	Đường trục thôn từ giáp đường liên thôn đến ông Phương thôn ( đường 30-4)	2022	1.158	811	347	
<b>3</b>	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 ( tuyến 5 Đồi Đò)	2022	931	652	279	
<b>4</b>	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 ( tuyến 4 Đồi Đò)	2022	1.177	824	353	
<b>5</b>	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Sim thôn 1 ( tuyến 6 Hòn Tre)	2022	1.198	839	359	
<b>6</b>	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Nghĩa ông Vinh và từ nhà bà Tía- ông Răng	2022	1.014	710	304	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
7	Đường trục thôn từ giáp đường liên xã- ông Nam và các tuyến nhánh thôn Đồng Xuân	2022	534	374	160	
8	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Minh- Nghĩa trang thôn Tân Tứ	2022	1.124	787	337	
9	Đường Tuyến Suối Mơ GD1	2022	2.744	1.921	823	
10	Tuyến 12 Đồng Chùa Tân Hiệp	2022	1.050	735	315	
11	Đường từ giáp HL 6- Tân Hiệp ( Hòn Tre)	2022	2.538	1.777	761	
12	Tuyến đường nội đồng từ đường ông Phan Thông đến farm	2022	2.195	1.537	658	
13	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang ( HL6)	2022	5.000	3.500	1.500	
<i>c</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>4.447</b>	<b>974</b>	<b>3.473</b>	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	2022	3.247	974	2.273	
2	Công trình nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Lâm	2022	1.200		1.200	
<i>d</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		<b>1.956</b>	<b>587</b>	<b>1.369</b>	
	Chợ xã Ninh Thượng	2022	1.956	587	1.369	
<b>15</b>	<b>Xã Ninh Trung</b>		<b>13.555</b>	<b>6.147</b>	<b>7.408</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<b>520</b>		<b>520</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<b>2.200</b>	<b>280</b>	<b>1.920</b>	
1	Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2024	1.000		1.000	
2	Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - nương đồng giữa	2024	400	280	120	
3	Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (gd2)	2024	800		800	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		<b>7.695</b>	<b>5.387</b>	<b>2.308</b>	
1	Kênh Khẩu 3 gá đến đồng chiết giang	2023	1.200	840	360	
2	Kênh bà Mười đến Đồng Đưng (gd1)	2023	1.000	700	300	
3	Kênh đất dây thép - miếu Tân Ninh	2023	1.195	837	358	
4	Khẩu ông Tiện - Ruộng đội 4	2024	400	280	120	
5	Kênh từ nhà ông Toàn đến nhà ông Huy	2024	700	490	210	
6	Kênh từ bà Mười đến đồng đưng (Gd2)	2024	1.000	700	300	
7	Kênh từ NIT đến Đồng Cũ (gd2)	2024	1.000	700	300	
8	Tuyến Mương Cái Quảng Cư (gd2)	2025	1.200	840	360	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>2.540</b>	<b>300</b>	<b>2.240</b>	
1	Trung tâm văn hóa (Sân bóng đá mi ni, Bể tập bơi)	2025	1.000	300	700	
2	Công trình Khu Thể thao thôn Phú Văn	2025	220		220	
3	Công trình Khu Thể thao thôn Thạch Định	2025	220		220	
4	Công trình Khu Thể thao thôn Vĩnh Thạnh	2025	220		220	
5	Công trình Khu Thể thao thôn Phú Sơn	2025	220		220	
6	Công trình Khu Thể thao thôn Tân Ninh	2025	220		220	
7	Công trình Khu Thể thao thôn Quảng Cư	2025	220		220	
8	Công trình Khu Thể thao thôn Mông Phú	2025	220		220	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<i>d</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		600	180	420	
	Sửa chữa, nâng cấp chợ	2025	600	180	420	
16	<b>Xã Ninh Vân</b>		10.115	6.228	3.887	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		520		520	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2023	220		220	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		6.051	4.237	1.814	
1	Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	246	172	74	
2	Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cẩn	2024	225	158	67	
3	Đường số 6 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cẩn	2024	210	147	63	
4	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 nối dài	2024	90	63	27	
5	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nối dài	2024	150	105	45	
6	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	2024	195	137	58	
7	Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hòn Đẳng	2024	330	231	99	
8	Đường vào SVD xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	105	74	31	
9	Đường số 26 đoạn từ xóm cây bàng đến mũi bà vú	2024	4.500	3.150	1.350	
<i>c</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		2.244	1.571	673	
1	Mương thoát lũ số 2 (gần KDC QH)	2024	2.244	1.571	673	
<i>d</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		700		700	
1	Nhà văn hóa thôn Đông (Hạng mục: Xây dựng mới trụ sở, đầu tư trang thiết bị)	2024	600		600	
2	Nhà văn hóa thôn Tây (Hạng mục: xây dựng tường rào, Đầu tư trang thiết bị)	2024	100		100	
<i>d</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		600	420	180	
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	
17	<b>Xã Ninh Xuân</b>		26.383	12.426	13.957	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		520		520	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		23.863	11.826	12.037	
1	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nhà tiền Hiền thôn Tân Phong	2021	1.047	733	314	
2	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 đến nghĩa địa thôn Tân Sơn (cấp phối)	2021	1.200	840	360	
3	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nghĩa địa thôn Tân Phong (cấp phối)	2021	646	452	194	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
4	Đường GTNT trục thôn Vân Thạch xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26 đến giáp thôn Đại Cát	2021	354	248	106	
5	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn QL 26 đến lò Gạch ông phượng thôn Phước Lâm	2021	531	372	159	
6	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, Ht thôn đến nhà bà Hiệp thôn Phước Lâm	2021	635	445	190	
7	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ HT thôn đến nhà ông Quân Thôn Phước Lâm	2021	1.091	764	327	
8	Đường GTNT trục thôn Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Lang đến nhà ông Gương thôn Tân Mỹ	2021	496	347	149	
9	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến nhà ông Vượng Phước Lâm	2021	1.058	741	317	
10	Đường GTNT trục thôn xã Ninh Xuân, đoạn KDC chợ thôn Phước Lâm	2021	1.764	1.235	529	
11	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Thiện đến TL6 thôn Tân Mỹ	2021	659		659	
12	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Hùng đến nhà ông Nguyễn Tâm thôn Tân Mỹ	2021	524		524	
13	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Cảnh đến nhà ông Thanh Trinh thôn Tân Mỹ	2021	151		151	
14	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến nhà ông Lợi thôn Tân Mỹ	2021	576		576	
15	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 6 đến đất ông Chánh thôn Tân Phong ( Cấp phối)	2021	550		550	
16	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà bà Nhỏ đến nhà ông Đỗ Văn Tư thôn N.Mỹ ( Cấp phối)	2021	465		465	
17	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 (Hương) đến nhà Võ Sang thôn Vân Thạch	2021	296		296	
18	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 (Vân) đến nhà ông Tiệp thôn Phước Lâm	2021	755		755	
19	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Nguyễn Sự đến nhà ông Lộc thôn Tân Mỹ	2021	536		536	
20	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Ngô Đắc Tâm đến nhà bà Ánh thôn Tân Mỹ	2021	239		239	
21	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Lại đến nhà ông Khắc thôn Ngũ Mỹ ( Cấp phối)	2021	151		151	
22	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 (Cường) đến nhà ông Sương thôn Tân Sơn (Cấp phối)	2021	365		365	
23	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, Đường KDC trước nhà máy đường thôn Phước Lâm	2021	869		869	
24	Đường GTNT trục xóm xã Ninh Xuân, đoạn từ trường tiểu học Tân Phong đến nhà ông Vinh (Cấp phối)	2021	838		838	
25	Đường GTNT xã Ninh Xuân, QL 26 nhà ông Song đến nhà ông Liêm thôn Phước Lâm	2021	511	358	153	
26	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26( Thượng) đến nhà ông Hùng Vân Thạch	2021	267	187	80	
27	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Ngô Anh Đông đến nhà ông Vang Ngũ Mỹ	2021	375	263	112	
28	Đường GTNT xã Ninh Xuân, đoạn từ QL 26( Triều) đến chùa cao đài thôn Vân Thạch	2021	330	231	99	
29	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ QL26 đến đất ông Luân Tân Mỹ	2021	1.100	770	330	

S77	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
30	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 đến nhà ông Ngọc thôn Tân Phong	2021	611	428	183	
31	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 6 đến đất ông Nguyễn Văn Lập thôn Tân Phong	2021	507	355	152	
32	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Tiến đến đất ông Tâm thôn Tân Mỹ	2021	509	356	153	
33	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ trụ sở thôn đến nương Nhánh 5 Ngũ Mỹ	2021	432	302	130	
34	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL8 đến nhà bà Tuyết thôn Tân Sơn	2021	513	359	154	
35	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL 8 đến đất ông Nhất thôn Tân Sơn	2021	831	582	249	
36	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ cống Ô Ô đến nương Suối Trầu thôn Ngũ Mỹ	2021	1.025	718	307	
37	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ TL6 nhà 10 Gái đến Suối Tre thôn Tân Mỹ	2021	721	505	216	
38	Đường GTNT trục chính nội đồng xã Ninh Xuân, đoạn từ nhà ông Cư đến cống N5	2021	335	235	100	
c	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>2.000</b>	<b>600</b>	<b>1.400</b>	
1	Trung tâm vui chơi văn hóa - thể thao xã (Hạng mục công tường rào, san lấp mặt bằng, sân cầu lông, sân khấu lộ thiên, sân bê tông, khu vệ sinh)	2021	2.000	600	1.400	
18	<b>Các địa phương khác</b>		<b>1.500</b>	<b>1.050</b>	<b>450</b>	
1	Hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống chế tác đá mỹ nghệ Thị xã Ninh Hòa: Lắp đặt hệ thống đường dây điện	2024	700	490	210	
2	Hỗ trợ phát triển làng nghề trồng hoa cúc thị xã Ninh Hòa: Xây dựng hệ thống kênh mương dẫn nước phục vụ sản xuất	2024	800	560	240	
<b>III</b>	<b>THÀNH PHỐ NHA TRANG</b>		<b>92.009</b>		<b>92.009</b>	
1	<b>Xã Vĩnh Hiệp</b>		<b>21.373</b>		<b>21.373</b>	
1	Nâng cấp đường các tuyến hẻm thôn Vĩnh Diễm Thượng	2021	1.200		1.200	
2	Điện chiếu sáng công cộng xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
3	Nâng cấp, mở rộng cầu Kế xã Vĩnh Hiệp	2023	5.490		5.490	
4	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước thôn Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.400		1.400	
5	Hệ thống thoát nước đường Gò Găng, xã Vĩnh Hiệp	2023	2.600		2.600	
6	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Lương đến nhà ông Thành, thôn Vĩnh Diễm Trung	2023	1.300		1.300	
7	Khắc phục ngập úng khu dân cư tổ 4 thôn Vĩnh Diễm Trung, xã Vĩnh Hiệp	2023	2.583		2.583	
8	Hệ thống thoát nước hẻm 620 đường 23/10, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
9	Nâng cấp đường khu C thôn Vĩnh Diễm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
10	Cài tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa và Thể thao xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	
11	Nâng cấp các tuyến hẻm tổ 12, 13 thôn Vĩnh Diễm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	2023	1.200		1.200	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
12	Nâng cấp sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vĩnh Diêm Trung, xã Vĩnh Hiệp	2023	800		800	
2	Xã Vĩnh Trung		21.824		21.824	
1	Trường TH Vĩnh Trung - Hạng mục: XDM 8 phòng học, nhà đa năng	2021	4.850		4.850	
2	Trường TH Vĩnh Trung, thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	2021	1.174		1.174	
3	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế Vĩnh Trung	2021	1.200		1.200	
4	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Võ Cảnh, xã Vĩnh Trung	2021	1.200		1.200	
5	Hệ thống thoát nước hẻm 1320 đường 23/10, xã Vĩnh Trung	2021	1.000		1.000	
6	Nâng cấp đường từ nhà ông Hiệp đến nhà ông Quang, xã Vĩnh Trung	2022	1.400		1.400	
7	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2022	1.200		1.200	
8	Kè chống sạt lở cầu bờ trần thôn Xuân Sơn, xã Vĩnh Trung	2022	1.200		1.200	
9	Gia cố mái taluy nương thoát nước thôn Võ Cang, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
10	Nâng cấp đường Diên An - Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
11	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Đồng Nhon, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
12	Nâng cấp đường từ nhà ông Thương đến nhà ông Nhân, xã Vĩnh Trung	2023	1.200		1.200	
13	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước từ nhà ông Lữ Hai đến đường 23/10	2024	1.400		1.400	
14	Nâng cấp sân, lắp đặt thiết bị thể dục thể thao nhà văn hóa thôn Võ Đông, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
15	Nâng cấp đường và gia cố mái taluy đường từ nhà ông Thọ đến nhà bà Đền, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
16	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước cụm hẻm thôn Đồng Nhon, xã Vĩnh Trung	2024	800		800	
3	Xã Vĩnh Thạnh		23.449		23.449	
1	Nhà văn hóa thôn Phú Trung 1	2021	500		500	
2	Trường MN Vĩnh Thạnh (điểm trung tâm xã) – Hạng mục: Sửa chữa khối lớp học, nhà vệ sinh	2021	1.114		1.114	
3	Mở rộng phạm vi tường cánh cửa cửa xả thoát nước ra sông Quán Trường (khu vực giáp ranh nhà ông Lê Phước Thông tổ 1 thôn Phú Trung)	2021	1.200		1.200	
4	Cải tạo, sửa chữa chợ Ga xã Vĩnh Thạnh	2021	1.200		1.200	
5	Hệ thống thoát nước tổ 7 thôn Phú Thạnh 3, xã Vĩnh Thạnh	2021	1.075		1.075	
6	Hệ thống thoát nước hẻm sông Đình, xã Vĩnh Thạnh	2021	1.200		1.200	
7	Hệ thống thoát nước từ nhà ông Nguyễn Thành Tâm đến nhà bà Phạm Thị Hương	2021	1.200		1.200	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
8	Hệ thống thoát nước đoạn từ hẻm 659 đến cây xăng đầu 26 đường Lương Định Của	2021	1.250		1.250	
9	Cải tạo sửa chữa Nhà văn hóa thông Phú Thạnh 1, xã Vĩnh Thạnh	2022	800		800	
10	Nâng cấp, cải tạo hội trường UBND xã Vĩnh Thạnh	2022	1.280		1.280	
11	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Thạnh	2022	1.080		1.080	
12	Kè chống sạt lở hạ lưu Sông Tháo	2023	1.250		1.250	
13	Gia cố mái taluy và mương thoát nước phía hạ lưu tràn bê tông Miếu Thần Hoàng, thôn Phú Vinh 2, xã Vĩnh Thạnh	2023	800		800	
14	Láng bê tông và hệ thống thoát nước hẻm 900 đường 23/10, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.500		1.500	
15	Láng bê tông và hệ thống thoát nước cụm hẻm Nguyễn Công Khanh, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.700		1.700	
16	Cải tạo, sửa chữa và nạo vét hệ thống thoát nước tổ 8, 9 thôn Phú Thạnh, xã Vĩnh Thạnh	2023	1.150		1.150	
17	Hệ thống thoát nước tổ 3, thôn Phú Trung 2, Vĩnh Thạnh	2023	2.950		2.950	
18	Hệ thống thoát nước khu vực hẻm Phú Tân - Phú Thịnh, thôn Phú Thạnh 2, xã Vĩnh Thạnh	2023	2.200		2.200	
4	<b>Xã Vĩnh Phương</b>		<b>25.363</b>		<b>25.363</b>	
1	Trường MN Vĩnh Phương 1 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh, cổng tường rào, sân trường, mái che	2021	1.080		1.080	
2	Trường MN Vĩnh Phương 2 (điểm chính)– Hạng mục: Nâng cấp sân trường	2021	1.010		1.010	
3	Trường TH Vĩnh Phương 1 – Hạng mục: Sửa chữa phòng học, phòng hành chính, mái khối phòng đoàn đội	2021	1.200		1.200	
4	Trường THCS Nguyễn Công Trứ – Hạng mục: Nâng cấp sân trường	2021	1.115		1.115	
5	Duy tu, sửa chữa đường Hòn Sung thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương	2021	1.000		1.000	
6	Duy tu sửa chữa đường bờ sông thôn Trung, xã Vĩnh Phương	2021	1.200		1.200	
7	Duy tu sửa chữa đường thôn Tây (đoạn còn lại), xã Vĩnh Phương	2021	1.200		1.200	
8	Sửa chữa tường rào, hội trường nhà văn hóa thôn Như Xuân 1	2021	800		800	
9	Sửa chữa tường rào, hội trường nhà văn hóa thôn Đặc Lộc 1	2021	800		800	
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Phương	2021	900		900	
11	Nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn bờ tràn Bầu Đục) và hệ thống thoát nước (đoạn từ Bưu điện đến đường thôn Trung)	2022	2.590		2.590	
12	Duy tu sửa chữa đường Xuân Phong	2023	1.000		1.000	
13	Gia cố bờ suối Dù Di đoạn qua Trường Nguyễn Công Trứ, xã Vĩnh Phương	2023	1.250		1.250	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
14	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Thành, xã Vĩnh Phương	2023	900		900	
15	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đắc Lộc 2, xã Vĩnh Phương	2023	900		900	
16	Gia cố chống xói lở đáy mương bờ suối đường Kháng Chiến	2023	1.150		1.150	
17	Nâng cấp các tuyến hẻm thôn Đắc Lộc 1, xã Vĩnh Phương	2023	1.144		1.144	
18	Kè chống sạt lở khu vực thượng và hạ lưu cầu Bầu Sa	2024	3.000		3.000	
19	Sửa chữa tràn cống Chiềc Đội 5	2024	1.230		1.230	
20	Sửa chữa kênh Bờ Cây Khét và nâng cấp Vùng mã Đội 3	2024	750		750	
21	Sửa chữa kênh tưới Cải tạo	2024	1.144		1.144	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN DIÊN KHÁNH</b>		<b>168.299</b>	<b>116.054</b>	<b>52.245</b>	
<b>1</b>	<b>Huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới</b>		<b>117.953</b>	<b>90.638</b>	<b>27.315</b>	
1	Nâng cấp đường qua UBND xã Diên Sơn (Đoạn: Tỉnh lộ 8 – Ngã 4 nhà Vương - Cầu Đồng Lợi)	2023	52.800	36.960	15.840	
2	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trảng Găng	2023	12.000	8.400	3.600	
3	Kênh tưới Suối Tiên - Bình Lộc	2023	14.254	9.978	4.276	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao, sân khấu tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà	2023	11.997	8.398	3.599	
5	Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám	2023	11.925	11.925		
6	Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học	2023	14.977	14.977		
<b>1</b>	<b>Xã Diên Đồng</b>		<b>4.502</b>	<b>1.016</b>	<b>3.486</b>	
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>4.502</b>	<b>1.016</b>	<b>3.486</b>	
1	Trung tâm văn hóa khu thể thao xã	2022	3.385	1.016	2.369	
2	Nhà văn hóa & khu thể thao thôn Đồng Trăn 3	2022	1.117		1.117	
<b>2</b>	<b>Xã Diên Phước</b>		<b>9.699</b>	<b>6.680</b>	<b>3.019</b>	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		<b>5.197</b>	<b>3.637</b>	<b>1.560</b>	
1	Đường trục thôn Phước Tuy 1	2022	1.199	839	360	
2	Đường Thành Hồ 8	2022	550	385	165	
3	Đường trục thôn An Định ( Tỉnh lộ 2 - ĐH18)	2022	1.199	839	360	
4	Đường trục thôn Phước Tuy 2	2022	1.050	735	315	
5	Đường Tỉnh lộ 2 - Cống Cây Da (Diên Hòa)	2022	1.199	839	360	
<i>b</i>	<i>Thủy lợi</i>		<b>4.232</b>	<b>2.962</b>	<b>1.270</b>	
1	KCH kênh ruộng Địa - Suối Sâu	2022	1.229	860	369	
2	KCH kênh Ba Sào mẫu sáu	2022	1.123	786	337	
3	KCH kênh mương vùng ruộng 1 vụ Đồng Xe	2022	1.231	862	369	
4	KCH kênh Bao Sào - Mương Cơi - Lỗ Găng - Đất Sét	2022	649	454	195	
<i>c</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<b>270</b>	<b>81</b>	<b>189</b>	
	Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	2022	270	81	189	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
3	Xã Diên Lạc		5.654	3.678	1.976	
a	<i>Glao thông</i>		4.455	3.119	1.336	
1	Đường trục thôn Thanh Minh 1	2022	648	454	194	
2	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 2 (tổ 7, 8, 9)	2022	1.204	843	361	
3	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 19, 20)	2022	928	650	278	
4	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 22)	2022	1.186	830	356	
5	Đường Bến Đò trục thôn Trường Lạc	2022	488	342	146	
b	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		200		200	
	Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời thôn Trường Lạc	2022	200		200	
c	<i>Hạ tầng hợp tác xã</i>		999	559	440	
	Xây dựng kho, xưởng chế biến HTXNN Diên Lạc	2022	999	559	440	
4	Xã Diên Xuân		6.544	1.671	4.873	
a	<i>CSVC Văn Hóa</i>		2.484		2.484	
1	Nhà Văn hóa khu thể thao thôn Xuân Đông	2023	1.242		1.242	
2	Nhà Văn hóa khu thể thao thôn Xuân Nam	2023	1.242		1.242	
b	<i>Thủy lợi</i>		1.189	832	357	
	Kênh mương Xuân Trung - Xuân Đông	2023	1.189	832	357	
c	<i>Glao thông</i>		1.198	839	359	
	Đường đất bà Nga - ông Trần Nhơn - đất nhà thờ (Xuân Nam)	2023	1.198	839	359	
d	<i>Nghĩa trang xã</i>		1.069		1.069	
	Mở rộng nghĩa trang thôn Xuân Trung	2023	1.069		1.069	
d	<i>Môi trường</i>		604		604	
	Công trình bãi rác thôn Xuân Trung	2023	604		604	
5	Xã Diên Phú		3.688	2.582	1.106	
a	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		3.688	2.582	1.106	
1	Nâng cấp kênh bà Tiệp	2023	1.230	861	369	
2	Nâng cấp kênh Tộc Hồ	2023	1.230	861	369	
3	Xây mới trạm bơm Gò Mít	2023	1.228	860	368	
6	Xã Diên Sơn		4.193	1.363	2.830	
a	<i>CSVC Văn Hóa</i>		2.246		2.246	
1	Nâng mặt bằng, xây dựng mới Nhà VH thôn Nam 1	2023	1.200		1.200	
2	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Tây 2	2023	1.046		1.046	
b	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		1.947	1.363	584	
1	KCH kênh tưới Đồng Lãng	2023	748	524	224	
2	Xây dựng mương rút khu dân cư thôn Tây 2 - Tây 4	2023	1.199	839	360	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
7	<b>Xã Diên Thọ</b>		1.850	1.295	555	
<i>a</i>	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		1.850	1.295	555	
1	KCH kênh Suối Lũy thôn Phước Lương	2024	950	665	285	
2	KCH kênh tưới Bà Thất thôn Lễ Thạnh	2024	900	630	270	
8	<b>Xã Diên Hòa</b>		3.950	1.382	2.568	
<i>a</i>	<i>CSVC Văn Hóa</i>		500	150	350	
	Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời cho Trung tâm Thể thao xã	2024	500	150	350	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		2.450	840	1.610	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh – cầu Cây đa	2024	1.200	840	360	
2	Nâng cấp mở rộng đường Xóm Suối	2024	1.250		1.250	
<i>c</i>	<i>Môi trường</i>		300		300	
	Trang bị cơ sở vật chất thực hiện mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn	2024	300		300	
<i>d</i>	<i>Tổ chức sản xuất</i>		700	392	308	
1	Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	700	392	308	
9	<b>Các địa phương khác (hỗ trợ theo QĐ 1804)</b>		10.266	5.749	4.517	
1	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 1	2022	729	408	321	
2	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 2	2022	539	302	237	
3	Xây dựng nhà kho HTX NN Suối Hiệp 2	2022	998	559	439	
4	Xây dựng nhà kho HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	
5	Xây dựng xưởng chế biến HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	
6	Xưởng sơ chế, máy sấy lúa HTX Suối Hiệp 2	2024	2.000	1.120	880	
7	Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2023	1.000	560	440	
8	Xây dựng Lò Sấy HTX Suối Hiệp 1	2024	1.000	560	440	
9	Nhà máy xay sát lúa gạo HTX NN Suối Hiệp 1	2023	2.000	1.120	880	
V	<b>HUYỆN CAM LÂM</b>		40.774	14.794	25.980	
1	<b>Xã Cam Phước Tây</b>		4.500	690	3.810	
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		4.500	690	3.810	
1	Xây mới Công trường rào, hệ thống nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị dụng cụ nhà văn hóa thôn Văn Thủy 1	2023	1.100		1.100	
2	Xây mới hệ thống vệ sinh, nâng cấp hội trường và mua sắm trang thiết bị dụng cụ nhà văn hóa thôn Văn Thủy 2	2023	1.100		1.100	
3	Sửa chữa, nâng cấp công trường rào, xây mới hệ thống vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	2023	1.100	330	770	
4	Xây mới hệ thống hồ bơi khu liên hợp thể thao xã	2023	1.200	360	840	
2	<b>Xã Sơn Tân</b>		12.600	2.880	9.720	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		1.000		1.000	
1	Đường bê tông từ nhà hộ Bo Bo Bình đến nhà hộ Cao Thị Thị (ngã ba thôn Va Ly)	2024	1.000		1.000	
<i>b</i>	<i>Trường học</i>		9.600	2.880	6.720	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Nâng cấp, sửa chữa tường rào, sân trường lát gạch, nhà vệ sinh trường tiểu học Sơn Tân	2023	1.200	360	840	
2	Xây mới trường mẫu giáo Hòa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	
<i>c</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		2.000		2.000	
	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Suối Cốc	2024	2.000		2.000	
3	Xã Suối Cát		23.674	11.224	12.450	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		2.400	1.680	720	
1	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau	2024	1.200	840	360	
2	Đường giao thông nội đồng xứ đồng Bầu Tre-Đồng Cam	2024	1.200	840	360	
<i>b</i>	<i>Thủy lợi</i>		7.430	5.201	2.229	
1	Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cây Me	2024	5.000	3.500	1.500	
2	Hệ thống thủy lợi đồng cây keo (mương rút)	2024	1.200	840	360	
3	Sửa chữa kênh chính nội đồng Đồng Cam	2021	1.230	861	369	
<i>c</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		500		500	
	Sân, tường rào nhà văn hóa thôn Khánh Thành Nam	2023	500		500	
<i>d</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		5.000	1.500	3.500	
	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Xương	2025	5.000	1.500	3.500	
<i>d</i>	<i>Trường học</i>		7.494	2.248	5.246	
1	Xây mới tường bảo vệ và sân trường tiểu học Khánh Hòa - Jeju	2021	994	298	696	
2	Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân trường tiểu học Suối Cát	2023	3.900	1.170	2.730	
3	Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên	2024	2.600	780	1.820	
<i>e</i>	<i>Y tế xã</i>		850	595	255	
	Sửa chữa trạm y tế xã (xuống cấp)	2023	850	595	255	
VI	<b>THÀNH PHỐ CAM RANH</b>		79.087	31.431	47.656	
1	Xã Cam Thành Nam		16.600	4.420	12.180	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		15.400	4.060	11.340	
1	Sửa chữa đường liên thôn tuyến 10 (từ nhà ông Trần Ngọc Thuận đến giáp tuyến 7) thôn Quảng Phúc	2024	1.000	700	300	
2	Sửa chữa đường liên thôn tuyến số 3 thôn Quảng Phúc	2024	1.200	840	360	
3	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 13 thôn Quảng Phúc	2024	1.200		1.200	
4	Sửa chữa đường liên thôn tuyến số 16 (từ cầu chợ đến ngã tư tuyến 4)	2024	1.200	840	360	
5	Sửa chữa đường liên thôn tuyến số 16 (từ cầu chợ đến ngã 4 đường liên thôn tuyến số 1)	2024	1.200	840	360	
6	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 15 thôn Quảng Phúc	2024	1.200		1.200	
7	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 14 thôn Quảng Phúc	2025	1.200		1.200	
8	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 17 thôn Quảng Hoà	2025	1.200		1.200	
9	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 18 thôn Quảng Hoà	2025	1.200		1.200	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
10	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến 20 thôn Quảng Hoà	2025	1.200		1.200	
11	Sửa chữa Đường liên thôn tuyến 2 (từ ngã tư tuyến 15 đến ngã tư tuyến 21)	2025	1.200	840	360	
12	Sửa chữa đường ngõ xóm tuyến số 19	2025	1.200		1.200	
13	Sửa chữa ngõ xóm tuyến số 21	2025	1.200		1.200	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.200</b>	<b>360</b>	<b>840</b>	
	Xây dựng khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em	2024	1.200	360	840	
<b>2</b>	<b>Xã Cam Phước Đông</b>		<b>25.187</b>	<b>12.101</b>	<b>13.086</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>14.600</b>	<b>7.420</b>	<b>7.180</b>	
1	Đường ngõ xóm tổ 2 (2 nhánh), thôn Trà Sơn	2022	850		850	
2	Đường ngõ xóm Lê Nhánh - Nguyễn Hiệp (2 nhánh), thôn Trà Sơn	2022	550		550	
3	Đường ngõ xóm ông Reo, thôn Tân Hiệp	2022	350		350	
4	Đường ngõ xóm ông Nghị, thôn Hoà An	2022	700		700	
5	Đường ngõ xóm ông Hiến – ông Nghị, thôn Hoà An	2022	550		550	
6	Đường ngõ xóm ông Quán – ông Điều, thôn Hoà Bình	2022	500		500	
7	Đường ngõ xóm ông Dấu (kênh tả suối Hành), thôn Suối Môn	2022	500		500	
8	Đường nội đồng Bà Thơm thôn Thống Nhất	2024	3.800	2.660	1.140	
9	Đường nội đồng Vân Sơn, thôn Hoà An	2024	1.000	700	300	
10	Sửa chữa, tu bổ một số tuyến đường giao thông xuống cấp	2025	1.500	1.050	450	
11	Đường nội đồng ông Công, thôn Hoà An	2024	1.000	700	300	
12	Sửa chữa đường 20, thôn Tân Hiệp	2024	1.000	700	300	
13	Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Bà Hùng thôn Giải Phóng	2023	1.200	840	360	
14	Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái ầm Đại An	2023	1.100	770	330	
<b>c</b>	<b>Thuỷ lợi và PCTT</b>		<b>6.687</b>	<b>4.681</b>	<b>2.006</b>	
1	Mương liên cư Khu A	2023	396	277	119	
2	Mương Hoàng Đạo	2023	1.193	835	358	
3	Mương Giáo Xứ Phú Phong đến Nhà ông Thiên Hòa An	2023	898	629	269	
4	Cầu ông Lân, thôn Tân Hiệp	2024	1.000	700	300	
5	Mương Đồng Đế, thôn Trà Sơn-Tân Hiệp	2025	2.000	1.400	600	
6	Kênh mương nội đồng Vân Sơn, thôn Suối Môn - Hòa Bình	2023	1.200	840	360	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>		<b>2.400</b>		<b>2.400</b>	
1	Nhà văn hoá thôn Hoà An	2023	1.200		1.200	
2	Nhà văn hoá thôn Thống Nhất	2024	1.200		1.200	
<b>đ</b>	<b>Nghĩa trang</b>		<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
1	Nghĩa trang xóm Suối Hai, thôn Giải phóng	2024	1.000		1.000	
3	Xã Cam Thịnh Tây		12.600	4.580	8.020	
a	Quy hoạch		500		500	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
b	Giao thông		1.200	840	360	
	Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360	
c	Thuỷ lợi và PCTT		2.400	1.680	720	
1	Kè chống sạt lở đường tuyến số 2 thôn Thịnh Sơn	2025	1.200	840	360	
2	Nâng cấp, mở rộng công thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360	
d	Nghĩa trang		2.500		2.500	
	Xây dựng nghĩa trang xã	2024	2.500		2.500	
đ	Cơ sở vật chất văn hoá		5.000	1.500	3.500	
	Trung tâm sinh hoạt văn hóa thể thao xã	2025	5.000	1.500	3.500	
e	Hạ tầng hợp tác xã		1.000	560	440	
	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho Hợp tác xã chăn nuôi CTT (nhà xường, kho)	2024	1.000	560	440	
4	Xã Cam Thịnh Đông		8.300	3.140	5.160	
a	Quy hoạch		500		500	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
b	Thuỷ lợi và PCTT		3.200	2.240	960	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh Đồng Cây	2024	1.200	840	360	
2	Nâng cấp, sửa chữa kênh Ruộng Bầu Mỹ Thanh	2025	2.000	1.400	600	
c	Cơ sở vật chất văn hoá		4.600	900	3.700	
1	Xây dựng mới Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Hoà Diêm (xây móng đá,san lấp và xây dựng mới Nhà sinh hoạt văn hoá)	2023	1.600		1.600	
2	Trung tâm sinh hoạt văn hoá thể thao xã	2024	3.000	900	2.100	
5	Xã Cam Bình		6.400	2.700	3.700	
a	Quy hoạch		500		500	
	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư đời 500 thôn Bình Hưng	2024	500		500	
b	Giao thông		3.000	2.100	900	
1	Nâng cấp cầu cũ thôn Bình Hưng	2024	1.500	1.050	450	
2	Nâng cấp cầu cũ thôn Bình Ba Tây	2024	1.500	1.050	450	
c	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		2.000	600	1.400	
	Xây dựng chợ thôn Bình Hưng	2025	2.000	600	1.400	
d	Cơ sở vật chất văn hoá		900		900	
	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900		900	
6	Xã Cam Lập		10.000	4.490	5.510	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		500		500	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		3.600	2.520	1.080	
	Làm mới Đường giao thông nội đồng từ Cổng làng văn hóa thôn Bình lập, qua đất bà Trần Thị Ánh Tuyết, bà Ngô thị Hoa, đến đất bà Nguyễn Thị Rạ	2025	3.600	2.520	1.080	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		4.800	1.200	3.600	
1	Trung tâm sinh hoạt văn hoá thể thao xã (hội trường đa năng, phòng chức năng, sân bóng đá, trang thiết bị)	2025	4.000	1.200	2.800	
2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800		800	
<b>d</b>	<b>Hạ tầng thông tin và truyền thông</b>		1.100	770	330	
	Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	1.100	770	330	
<b>VII</b>	<b>HUYỆN KHÁNH VINH</b>		84.468	37.645	46.823	
<b>1</b>	<b>Xã Sông Cầu</b>		9.568	5.158	4.410	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		6.600	4.340	2.260	
1	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thôi đến đường bê tông	2025	400		400	
2	Sửa chữa đường từ tỉnh lộ 2 vào TTBTXH huyện	2025	700	490	210	
3	Nâng cấp đường từ TTBTXH ra sông, giai đoạn 3	2023	600	420	180	
4	Nâng cấp Bê tông hóa đường vào khu sản xuất cây dứa (từ TL 2 đến đất bà Mùi)	2025	600	420	180	
5	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng (từ đất ông Thạch đến đất ông Kiều Xuân Tân)	2025	900	630	270	
6	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ HL 62 đến đất ông Trần Văn Dân	2025	600	420	180	
7	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ trại yếm ông Huỳnh Ngọc Minh đến đất ông Tuyên	2023	600	420	180	
8	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mười	2024	600	420	180	
9	Nâng cấp đường từ đất ông Minh ra sông	2025	600	420	180	
10	Nâng cấp đường vào khu sản xuất cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2024	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Hạ tầng khu sản xuất nông nghiệp</b>		1.168	818	350	
	Nâng cấp hợp thủy hồ điều tra	2023	1.168	818	350	
<b>d</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		1.200		1.200	
1	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đông	2024	400		400	
2	Sửa chữa 02 nhà văn hóa thôn Tây Nam	2024	800		800	
<b>2</b>	<b>Xã Khánh Đông</b>		1.900		1.900	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		600		600	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Môi trường</b>		300		300	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	Xây dựng hồ rác xã Khánh Đông	2024	300		300	
<i>c</i>	<i>Nghĩa trang xã</i>		1.000		1.000	
	Nghĩa trang thôn Suối Thơm; Hạng mục: Xây dựng công, tường rào và nâng cấp đường nội bộ bê tông xi măng	2024	1.000		1.000	
<b>3</b>	<b>Xã Khánh Bình</b>		<b>7.400</b>	<b>1.560</b>	<b>5.840</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		600		600	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		2.400	360	2.040	
1	Khu thể thao xã Khánh Bình	2024	1.200	360	840	
2	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Ba Dùi	2025	1.200		1.200	
<i>c</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		4.000	1.200	2.800	
	Nâng cấp chợ Khánh Bình	2024	4.000	1.200	2.800	
<i>d</i>	<i>Nghĩa trang</i>		400		400	
	Xây dựng nghĩa trang thôn Ba Dùi	2023	400		400	
<b>4</b>	<b>Xã Khánh Phú</b>		<b>19.973</b>	<b>12.244</b>	<b>7.729</b>	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		600		600	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<i>b</i>	<i>Glao thông</i>		17.493	12.244	5.249	
1	Bê tông hóa đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Cao Xi Giang	2023	999	699	300	
2	Bê tông hóa đường Cao Đàm đi Thác Ngựa	2023	996	697	299	
3	Bê tông hóa đường từ đất ông Phạm Thái đến đất ông Tả Khôn	2023	999	699	300	
4	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2024	1.000	700	300	
5	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiều Văn đến Hương lộ 62	2024	1.000	700	300	
6	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Xuân Nhị đến đất bà Bo Thị Tích	2023	999	699	300	
7	Bê tông hóa đường Cao Bình đi Là Nĩa	2024	1.000	700	300	
8	Bê tông hóa đường từ ông Ty Địa đến ông Cao Dừng	2024	1.000	700	300	
9	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	1.000	700	300	
10	Bê tông hóa đường Mầu Hương đi Trạm Hòn Bà	2024	500	350	150	
11	Bê tông hóa đường ông Chua đi ông Thanh- nối tiếp tuyến cao Ly đi lên đồi	2024	1.000	700	300	
12	Bê tông hóa đường Nhà văn hóa Giang Mương đi Cao Lượng	2025	1.000	700	300	
13	Bê tông hóa đường Ông Đức đi ông Tiên-kiến nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300	
14	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Dừng đến đất ông Chúc-nghĩa địa Nước nhĩ	2025	1.000	700	300	
15	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antim	2025	1.000	700	300	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
16	Bê tông hóa đường ông Chính đi ông Sơn	2025	1.000	700	300	
17	Bê tông hóa đường từ đất ông Minh đến đất ông Trung-gần đá bàn	2025	1.000	700	300	
17	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Duy Truyền đến đất ông Cao Nghiệp	2025	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Ngã Hai	2023	500		500	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>750</b>		<b>750</b>	
	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>630</b>		<b>630</b>	
	Sửa chữa nghĩa trang xã Khánh Phú	2025	630		630	
<b>5</b>	<b>Xã Khánh Nam</b>		<b>1.400</b>	<b>150</b>	<b>1.250</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>800</b>	<b>150</b>	<b>650</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá 02 thôn	2024	300		300	
2	Xây dựng sân thể thao xã	2024	500	150	350	
<b>6</b>	<b>Xã Khánh Thượng</b>		<b>8.840</b>	<b>3.868</b>	<b>4.972</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>4.540</b>	<b>3.178</b>	<b>1.362</b>	
1	Từ khu vực thác Hòm đi vào khu sản xuất	2024	1.150	805	345	
2	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Mảnh đến dốc Gia Vu	2024	1.190	833	357	
3	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bí	2025	1.100	770	330	
4	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tà Gộc	2025	1.100	770	330	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>2.300</b>	<b>690</b>	<b>1.610</b>	
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>300</b>		<b>300</b>	
1	Xây dựng hồ rác xã Khánh Thượng	2024	300		300	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>1.100</b>		<b>1.100</b>	
	Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2025	1.100		1.100	
<b>7</b>	<b>Xã Khánh Hiệp</b>		<b>9.510</b>	<b>4.937</b>	<b>4.573</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>6.410</b>	<b>4.487</b>	<b>1.923</b>	
1	Tuyến từ điểm giữa C12 đất ông (Cao Văn Năng) đến điểm giữa C7 đất ông (Cao Thái Bình)	2023	1.170	819	351	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
2	Tuyến C14 từ K25 đến đất ông Cao Văn Thái	2023	1.040	728	312	
3	Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bảo đến đất Y Soãn K Nai	2024	1.000	700	300	
4	Tuyến H 21 từ điểm giữa T6 đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1.200	840	360	
5	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	
6	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.500</b>	<b>450</b>	<b>1.050</b>	
1	Xây nhà văn hóa đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã	2024	1.000	300	700	
2	Xây sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã	2025	500	150	350	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
	Xây dựng hồ xử lý rác thải	2025	500		500	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	
<b>8</b>	<b>Xã Khánh Trung</b>		<b>2.250</b>		<b>2.250</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.350</b>		<b>1.350</b>	
1	Xây dựng tường rào sân vận động thôn Bắc Sông Giang	2024	500		500	
2	Nâng cấp nhà cộng đồng thôn Bắc Sông Giang	2024	250		250	
3	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600		600	
<b>c</b>	<b>Môi trường</b>		<b>300</b>		<b>300</b>	
	Xây dựng hồ rác xã Khánh Trung	2024	300		300	
<b>9</b>	<b>Xã Khánh Thành</b>		<b>4.524</b>	<b>1.123</b>	<b>3.401</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<b>b</b>	<b>Giao thông</b>		<b>900</b>	<b>630</b>	<b>270</b>	
	Đường sản xuất thôn Giồng Cạo (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hải đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2024	900	630	270	
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hóa</b>		<b>1.643</b>	<b>493</b>	<b>1.150</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa và khu thể thao xã Khánh Thành	2024	830	249	581	
2	Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2024	813	244	569	
<b>d</b>	<b>Môi trường</b>		<b>500</b>		<b>500</b>	
	Xây dựng hồ rác xã Khánh Thành	2025	500		500	
<b>d</b>	<b>Nghĩa trang xã</b>		<b>881</b>		<b>881</b>	
	Mở rộng, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thành	2023	881		881	
<b>10</b>	<b>Xã Giang Ly</b>		<b>2.300</b>	<b>420</b>	<b>1.880</b>	
<b>a</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.400	420	980	
	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học xã Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	1.400	420	980	
<i>c</i>	<i>Môi trường</i>		300		300	
	Xây dựng hố rác xã Giang Ly	2025	300		300	
11	<b>Xã Liên Sang</b>		12.703	8.185	4.518	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		600		600	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		11.522	8.065	3.457	
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Sơ đến đất ông Pi Năng Huy	2023	992	694	298	
2	Đường vào khu sản xuất Suối Nhỏ	2024	2.200	1.540	660	
3	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mả Khánh đến đất rẫy ông Cao Lem	2024	2.000	1.400	600	
4	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Cao Gia Minh đến đất rẫy ông Đàm Ngọc Thường	2024	1.130	791	339	
5	Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1.200	840	360	
6	Đường vào khu Sản xuất Chà Leng	2025	4.000	2.800	1.200	
<i>c</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		400	120	280	
	Nâng cấp sửa chữa chợ xã Liên Sang	2024	400	120	280	
<i>d</i>	<i>Nghĩa trang xã</i>		181		181	
	Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang xã Liên Sang	2025	181		181	
12	<b>Xã Sơn Thái</b>		600		600	
	<i>Quy hoạch</i>		600		600	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
13	<b>Xã Cầu Bà</b>		3.500		3.500	
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		600		600	
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	600		600	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		600		600	
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Trắng	2025	300		300	
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Bàn	2025	300		300	
<i>c</i>	<i>Môi trường</i>		2.300		2.300	
1	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu dân cư Đá Bàn (giai đoạn 2)	2023	1.150		1.150	
2	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu dân cư Đá Trắng (giai đoạn 2)	2025	1.150		1.150	
VIII	<b>HUYỆN KHÁNH SƠN</b>		19.300	10.500	8.800	
1	<b>Xã Thành Sơn</b>		400		400	
	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
2	<b>Xã Sơn Lâm</b>		400		400	
	<i>Quy hoạch</i>		400		400	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
3	Xã Sơn Bình		6.400	4.000	2.400	
	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	<i>Trường học</i>		4.000	4.000		
	Nâng cấp điểm trường tiểu học Cà Giàng Thấp xã Sơn Bình	2024	4.000	4.000		
c	<i>Môi trường</i>		2.000		2.000	
	Xây dựng khu xử lý rác thải xã Sơn Bình	2024	2.000		2.000	
4	Xã Sơn Hiệp		400		400	
	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
5	Xã Sơn Trung		3.400	3.000	400	
a	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	<i>Trường học</i>		3.000	3.000		
	Trường Mầm non Hoàng Danh xã Sơn Trung	2024	3.000	3.000		
6	Xã Ba Cạm Bắc		2.400		2.400	
a	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	<i>Môi trường</i>		2.000		2.000	
	Xây dựng nghĩa trang xã Ba Cạm Bắc	2024	2.000		2.000	
7	Xã Ba Cạm Nam		5.900	3.500	2.400	
a	<i>Quy hoạch</i>		400		400	
	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022	400		400	
b	<i>Trường học</i>		3.500	3.500		
	Trường Mầm non Hoa Phượng xã Ba Cạm Nam	2024	3.500	3.500		
c	<i>Môi trường</i>		2.000		2.000	
	Xây dựng khu bãi rác và xử lý rác thải xã Ba Cạm Nam	2024	2.000		2.000	

**PHỤ LỤC 3**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*DVT: Triệu đồng*

S T T	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ-HĐND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>462.014</b>	<b>340.785</b>	<b>65.349</b>	<b>45.046</b>	<b>20.303</b>	<b>55.880</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>				<b>167.625</b>	<b>88.894</b>	<b>22.851</b>	<b>15.997</b>	<b>6.854</b>	<b>55.880</b>	
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho các sở, ban, ngành</b>										
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>				<b>167.625</b>	<b>88.894</b>	<b>22.851</b>	<b>15.997</b>	<b>6.854</b>	<b>55.880</b>	
<b>2.1</b>	<b>Hỗ trợ đất ở</b>	<b>176 hộ</b>			<b>8.096</b>	<b>7.040</b>	<b>1.056</b>	<b>740</b>	<b>316</b>		
	- Huyện Khánh Vĩnh	155 hộ		2024-2025	7.130	6.200	930	651	279		
	- Huyện Diên Khánh	3 hộ		2023-2024	138	120	18	13	5		
	- Thị xã Ninh Hoà	14 hộ		2024-2025	644	560	84	59	25		
	- Thành phố Cam Ranh	4 hộ		2024	184	160	24	17	7		
<b>2.2</b>	<b>Hỗ trợ nhà ở</b>	<b>1.470 hộ</b>			<b>117.600</b>	<b>58.800</b>	<b>2.920</b>	<b>2.044</b>	<b>876</b>	<b>55.880</b>	
	- Huyện Khánh Vĩnh	482 hộ		2023-2025	38.560	19.280		0		19.280	
	- Huyện Khánh Sơn	915 hộ		2023-2025	73.200	36.600		0		36.600	
	- Huyện Cam Lâm	12 hộ		2023-2025	960	480	480	336	144		
	- Huyện Diên Khánh	3 hộ		2023-2024	240	120	120	84	36		
	- Thị xã Ninh Hòa	23 hộ		2023-2025	1.840	920	920	644	276		
	- Thành phố Cam Ranh	35 hộ		2023-2025	2.800	1.400	1.400	980	420		
<b>2.3</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</b>				<b>41.929</b>	<b>23.054</b>	<b>18.875</b>	<b>13.213</b>	<b>5.662</b>		
<b>a</b>	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>				<b>24.619</b>	<b>12.115</b>	<b>12.504</b>	<b>8.753</b>	<b>3.751</b>		
1	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang		Xã Khánh Trung	2022-2023	3.619	3.115	504	353	151		
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cầu Bà		Xã Cầu Bà	2024-2025	11.000	3.000	8.000	5.600	2.400		
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tà Gộc, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2024-2025	5.000	3.000	2.000	1.400	600		
4	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt xã Giang Ly		Xã Giang Ly	2024-2025	5.000	3.000	2.000	1.400	600		
<b>b</b>	<b>Huyện Khánh Sơn</b>				<b>2.322</b>	<b>2.019</b>	<b>303</b>	<b>212</b>	<b>91</b>		
	Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư		Xã Sơn Bình	2022	2.322	2.019	303	212	91		
<b>c</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>				<b>5.000</b>	<b>3.000</b>	<b>2.000</b>	<b>1.400</b>	<b>600</b>		
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân		Xã Sơn Tân	2024-2025	5.000	3.000	2.000	1.400	600		
<b>d</b>	<b>Thành phố Cam Ranh</b>				<b>9.988</b>	<b>5.920</b>	<b>4.068</b>	<b>2.848</b>	<b>1.220</b>		
1	Công trình Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý		Xã Cam Thịnh Tây	2024-2025	4.988	2.920	2.068	1.448	620		

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IIT	TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2021/NQ-HĐND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
2	Công trình Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS tại Xóm Mới, Xóm Suối Hai, Xóm Ba Hùng thuộc thôn Giải Phóng vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý.		Xã Cam Phước Đông	2024-2025	5.000	3.000	2.000	1.400	600		
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống				206.637	175.629	31.008	19.993	11.015		
1	<i>Phân bổ cho Sở Y tế thực hiện</i>				18.121	15.758	2.363	2.363			
	- Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	1 trạm	Xã Khánh Hiệp	2024	3.775	3.283	492	492			
	- Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã	19 trạm	Xã khu vực III	2023-2024	14.346	12.475	1.871	1.871			
2	<i>Phân bổ vốn cho các địa phương</i>				188.516	159.871	28.645	17.630	11.015		
2.1	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>				93.427	81.272	12.155	8.410	3.745		
1	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lộ đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái		Xã Sơn Thái	2022	998	998					
2	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Văn đến rẫy ông Đinh Xuân Hương, thôn Bồ Lang		Xã Sơn Thái	2022	998	998					
3	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giúp đường Khánh Thành đi thị trấn)		Xã Khánh Thành	2022	971	971					
4	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Núi đến đất ông Cao Văn Hương		Xã Khánh Trung	2022	1.049	1.049					
5	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan		Xã Cầu Bà	2022	993	993					
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asuy		Xã Cầu Bà	2022	991	991					
7	Đường vào khu sản xuất Suối Gạp, xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2022	1.999	1.999					
8	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cối		Xã Khánh Thượng	2022	1.099	1.099					
9	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2022	997	997					
10	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (độc gò) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2022	1.998	1.998					
11	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Bù Cánh (B2), xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2022	999	999					
12	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhì, xã Khánh Phú		Xã Khánh Phú	2022	995	995					
13	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính		Xã Khánh Phú	2022	999	999					
14	Đường vào khu sản xuất Bền Khế từ nhà ông Mang Mùn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phao, xã Khánh Bình		Xã Khánh Bình	2022	1.197	1.197					
15	Đường vào khu sản xuất Bền Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình		Xã Khánh Bình	2022	1.199	1.199					
16	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh		Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	819	819					
17	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh		Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.119	630	489	343	146		
18	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lộ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy		Xã Sơn Thái	2022	970		970	700	270		
19	Đường khu dân cư Giồng Cao thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành		Xã Khánh Thành	2022	942		942	700	242		

S T T	Đanh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HIT	TMDĐT 2021- 2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ- HDND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
20	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn		Xã Sơn Thái	2022	998		998	462	536		
21	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM Suối Trè đến Hồ Thủy Lợi		Xã Liên Sang	2022	1.198	1.198					
22	Đường rẽ nhánh Khánh Lễ - Lâm Đồng, điểm từ tràn đến rẫy ông Hà Choang		Xã Giang Lỵ	2022	1.999	1.999					
23	Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Võ Thị Miên, xã Khánh Trung		Xã Khánh Trung	2023	1.157	1.157					
24	Đường từ suối Lâu đi Chà Lả, xã Khánh Trung		Xã Khánh Trung	2023	1.143	1.143					
25	Đường từ cống tràn suối Dầu vào khu sản xuất suối Dầu, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2023	985	985					
26	Đường từ cống tràn qua nhà Ka Tơ Bui đến khu nhà ông Pi Năng Diệu		Xã Khánh Thượng	2023	986	986					
27	Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sông Chò (C5), xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2023	984	984					
28	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái		Xã Sơn Thái	2023	996	996					
29	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Văng		Xã Sơn Thái	2023	999	999					
30	Dự án đường sản xuất suối Siêu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)		Xã Khánh Thành	2023	989	989					
31	Tuyến H13 Từ điểm giữa T4 (nhà ông H Trầy Y Dìn) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)		Xã Khánh Hiệp	2023	989	989					
32	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Miên		Xã Khánh Phú	2023	983	983					
33	Đường vào khu sản xuất Ba Dài từ TL 8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cãi		Xã Khánh Bình	2023	1.166	1.166					
34	Đường vào khu sản xuất thôn Bến Khê từ Nghĩa trang Bến Khê đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng		Xã Khánh Bình	2023	1.150	1.150					
35	Đường vào khu sản xuất thôn Ba Dài từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan		Xã Khánh Bình	2023	965	965					
36	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông		Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	590	590					
37	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2023	1.515	1.515					
38	Đường vào khu sản xuất Già Lê, xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2023	1.467	1.467					
39	Tuyến H16 từ TL8B (đối diện đất ông Tý đến H8 (H16)		Xã Khánh Hiệp	2023	850	850					
40	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Mã Nghi đến rẫy ông Cao Cà Ma		Xã Sơn Thái	2023	1.100	1.100					
41	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Nguyễn Đình Hùng đi Chà Lả, xã Khánh Trung		Xã Khánh Trung	2023	1.200		1.200		1.200		
42	Đường từ đất Cao Văn Đương đến đất Cao Văn Lộc, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông		Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600		600	600			
43	Đường vào nghĩa địa thôn Suối Lách		Xã Khánh Trung	2023	700		700	700			
44	Đường giao thông từ UBND xã đến Khu tái định cư thôn Bó Lang, xã Sơn Thái		Xã Sơn Thái	2024	1.900	1.653	247	173	74		

S T T	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ (7/2022)/ NQ- HDND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
45	Nối tuyến đường vào khu sản xuất Gia Ngao, xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2024	2.000	1.651	349	288	61		
46	Nối tiếp rẽ nhánh Khánh Lễ - Lâm Đồng, điểm từ rẫy ông Hà Choang đến thác Đá Tây.		Xã Giang Ly	2024	2.000	1.740	260	182	78		
47	Nâng cấp và sửa chữa đường ông Bách đi trại Cà tím		Xã Khánh Phú	2024	1.200	1.044	156	109	47		
48	Đường từ rẫy ông Pi Năng Đa Vit vào khu sản xuất suối Đá Trắng, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2024	1.000	870	130	130	0		
49	Đường từ đường B'XM thác Lôm vào khu sản xuất suối Lai		Xã Khánh Thượng	2024	1.000	870	130	91	39		
50	Bê tông hóa đường Cao Dừng đi Suối Lau		Xã Khánh Phú	2024	1.000	870	130	91	39		
51	Bê tông hóa đường Cao Linh đi C19		Xã Khánh Phú	2024	1.000	870	130	91	39		
52	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến rẫy ông Y Niết		Xã Khánh Bình	2024	1.200	1.044	156	109	47		
53	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm chính). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe		Xã Khánh Hiệp	2024	950	826	124	124			
54	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm Cã Thiểu). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe		Xã Khánh Hiệp	2024	950	826	124	124			
55	Dự án đường vào khu đồng ruộng Ma lý Thượng		Xã Khánh Thành	2024	3.000	2.610	390	243	147		
56	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm Tà Mơ). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, san nền cục bộ		Xã Khánh Thành	2024	1.200	1.044	156	156			
57	Tuyến H17 từ điểm giữa T6 (đất nhà ông Y Hanh) đến chân đồi Chí Tôn (H17), xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2024	1.200	1.044	156	109	47		
58	Trường Tiểu học Khánh Bình, hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh và xây mới phòng chức năng		Xã Khánh Bình	2024	1.100	957	143	143			
59	Trường Tiểu học Khánh Thành, hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp 05 phòng học		Xã Khánh Thành	2024	1.100	957	143	143			
60	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao A Nhệ đến đất ông Cao Tường		Xã Khánh Phú	2024	1.600	1.392	208	146	62		
61	Sửa chữa, nâng cấp đường từ ngã ba xã Giang Ly đến khu tái định cư Gia Lợi		Xã Giang Ly	2024	1.200	1.044	156	109	47		
62	Đường vào khu sản xuất từ Đá Voi đến rẫy ông Hà Lang (D)		Xã Giang Ly	2024	2.200	1.914	286	200	86		
74	Đường từ rẫy ông Cao Lê Hiện đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung		Xã Khánh Trung	2024	2.100	1.827	273	191	82		
63	Tuyến Ba thác đi cầu treo thôn 6, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2025	2.000	1.651	349	289	60		
64	Đường vào khu sản xuất Suối A Pan, thôn Đá Bàn (giáp xã Khánh Thành)		Xã Cầu Bà	2025	4.000	3.480	520	458	62		
65	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mên đến rẫy ông Cao Văn Giảng		Xã Khánh Trung	2025	1.000	870	130	130	0		
66	Đường từ đất ông Cao Xuân Dưa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2025	1.500	1.305	195	136	59		
67	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phượng vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2025	1.200	1.044	156	109	47		
68	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú		Xã Khánh Phú	2025	1.200	1.044	156	109	47		

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IIT	TMBT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2021/ NQ-HDND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
69	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương		Xã Khánh Bình	2025	1.000	870	130	130	0		
70	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe		Xã Khánh Trung	2025	950	826	124	124			
71	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Rám). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân		Xã Khánh Thượng	2025	950	826	124	124			
72	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Trắng (đầu nguồn nước tự chảy), xã Cầu Bà		Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.044	156	109	47		
73	Đường vào khu sản xuất suối Lả Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2025	1.200	1.044	156	109	47		
75	Tuyến đường từ điểm giữa Tuyến B17 (đất nhà ông Cao Thanh Tuyền) đi vào khu sản xuất		Xã Khánh Hiệp	2025	1.286	1.073	213	126	87		
<b>2.2</b>	<b>Huyện Khánh Sơn</b>				<b>72.510</b>	<b>59.188</b>	<b>13.322</b>	<b>7.214</b>	<b>6.108</b>		
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất		Xã Thành Sơn	2022	996	996					
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất		Xã Thành Sơn	2022	998	998					
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Hạ Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)		Xã Sơn Lâm	2022	999	999					
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)		Xã Sơn Lâm	2022	999	999					
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên		Xã Sơn Bình	2022	994	994					
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà tro Thị Hiền đến rẫy Bà Cao Thị Danh		Xã Sơn Bình	2022	999	999					
7	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch		Xã Sơn Hiệp	2022	1.991	1.991					
8	Làm đường BTXM vào khu sản xuất nghĩa địa thôn Chi Chay		Xã Sơn Trung	2022	999	999					
9	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2022	999	999					
10	Nối tiếp đường BTXM khu 21 hộ đến trản Ông Lũng		Thị trấn Tô Hạp	2022	799	799					
11	Đường BTXM từ Bìa khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh		Thị trấn Tô Hạp	2022	1.198	1.198					
12	Nối tiếp từ suối Lồ Ổ đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu		Xã Ba Cùm Bắc	2022	999	999					
13	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thì, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2022	999	999					
14	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dường Hút đến ngã ba thôn Hòn Gấm		Xã Ba Cùm Nam	2022	999	999					
15	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang I		Xã Thành Sơn	2022	1.999	1.999					
16	Đường BTXM từ nhà ông Huệ đi khu sản xuất thôn Cò Lắc		Xã Sơn Bình	2022	999		999	999			
17	Đường BTXM nối thôn Tà Lương với thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp		Thị trấn Tô Hạp	2022	1.999		1.999	1.999			
18	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini có nhân tạo		Xã Thành Sơn	2023	2.998	2.998					
19	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Kơ Rôa mới vào khu sản xuất xã Sơn Lâm		Xã Sơn Lâm	2023	1.999	1.999					
20	Nâng cấp đường từ thôn Xá Bối đi thôn Tà Gu		Xã Sơn Hiệp	2023	1.999	1.999					

S T T	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ- HDND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
21	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp		Xã Sơn Hiệp	2023	3.000	3.000					
22	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tơ		Xã Ba Cùm Nam	2023	997	997					
23	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau		Xã Ba Cùm Nam	2023	998	998					
24	Xây dựng tuyến đường từ tỉnh lộ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Mang		Xã Ba Cùm Bắc	2023	999	999					
25	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2023	1.998	1.998					
26	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2023	998	998					
27	Đường BTXM đi KSX và dân sinh TDP Hạp Phú		Thị trấn Tô Hạp	2023	499	499					
28	Đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay		Xã Sơn Trung	2023	1.000		1.000	1.000			
29	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường		Thị trấn Tô Hạp	2024	1.500	1.137	363	140	223		
30	Trường TH Sơn Bình (điểm trường chính). Hạng mục: Xây mới và nâng cấp sửa chữa phòng học		Xã Sơn Bình	2024	5.500	5.138	362	362			
31	Trường THICS Ba Cùm Bắc. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa khu phòng học và khu làm việc của nhà trường.		Xã Ba Cùm Bắc	2024	2.000	1.740	260	260			
32	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Đốc Gạo, thị trấn Tô Hạp		Thị trấn Tô Hạp	2024	1.600	1.129	471	337	134		
33	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc		Xã Sơn Trung - Xã Ba Cùm Bắc	2024	7.000	2.236	4.764	234	4.530		
34	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam		Xã Ba Cùm Nam	2024	2.400	2.087	313	129	184		
35	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GD1		Xã Ba Cùm Nam	2025	2.000	1.740	260	182	78		
36	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Kơ Róa đi ra suối xã Sơn Lâm		Xã Sơn Lâm	2025	2.000	1.740	260	182	78		
37	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mầu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2025	1.000	491	509		509		
38	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm (đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)		Xã Sơn Lâm	2025	2.000	1.740	260	182	78		
39	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Cao Huy đến Cao Địa (thôn Ma O) xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2025	1.000	436	564	564			
40	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O		Xã Sơn Trung	2025	1.000	852	148	91	57		
41	Đường BTXM từ nhà ông Cao Trường B đi khu sản xuất thôn Apa 1, xã Thành Sơn		Xã Thành Sơn	2025	1.000	870	130	91	39		
42	Chợ Sơn Lâm: - Đầu tư xây dựng mới các hạng mục: nhà lồng chợ diện tích 300m <sup>2</sup> ; hệ thống PCCC; hệ thống điện chiếu sáng và thoát nước; nhà để xe)		Xã Sơn Lâm	2024	5.060	4.400	660	462	198		
<b>2.3</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>				<b>16.851</b>	<b>14.653</b>	<b>2.198</b>	<b>1.539</b>	<b>659</b>		
<b>a</b>	<b>Đường đến trung tâm xã</b>				<b>9.212</b>	<b>9.212</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)		Xã Sơn Tân	2022-2023	9.212	9.212					
<b>b</b>	<b>Đầu tư CSHT xã DBKK, thôn DBKK</b>				<b>7.639</b>	<b>5.441</b>	<b>2.198</b>	<b>1.539</b>	<b>659</b>		

S.T.T	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ-11/DND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
1	Nâng cấp đường từ rẫy Ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc		Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000					
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước		Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000					
3	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3		Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022	297	297					
4	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn		Thôn Văn Sơn, xã C.P.Tây	2022	297	297					
5	Sửa chữa đường từ nhà Ông Cao Thanh Liễu đến nhà Ông Cao Minh Quý		Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022	597	232	365	365			
6	Đoạn đường từ nhà Ông Bo Văn Tùng đến nhà Ông Cao Văn Đầu		Thôn Văn Sơn, xã C.P.Tây	2022	596		596	596			
7	Đường từ nhà bà Mầu Thị Cảnh đến nhà Ông Cao Văn Hiểu		Thôn Văn Sơn, xã C.P.Tây	2023	580		580	131	449		
8	Đầu tư đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3 (đoạn từ Trường Mầu giáo đến ruộng Ông Cao Xem)		Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2024	960	750	210		210		
9	Đường từ rẫy Tro Thị Hoa tới Cao Tri		Xã Sơn Tân	2024	1.150	925	225	225			
10	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hệ thống đập dâng Suối Lách		Xã Sơn Tân	2024	1.162	940	222	222			
2.4	<b>Huyện Diên Khánh</b>				2.144	1.904	240	168	72		
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản xuất đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhớt.)		Thôn Đá Mài, Diên Tân	2022	1.199	1.199					
2	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (giai đoạn 2)		Lỗ Gia, Suối Tiên	2023	300	300					
3	Kênh mương tưới, tiêu đồng ruộng Lỗ Rong thôn Lỗ Gia		Lỗ Gia, Suối Tiên	2024	645	405	240	168	72		
2.5	<b>Thị xã Ninh Hoà</b>				3.584	2.854	730	299	431		
1	Đường BTXM đi từ nhà Ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây		Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2022	900	900					
2	Đường BTXM đoạn từ nhà Ông Cao Ta Gian đến cuối đường nhà Ông Bàn Đức Thắng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây		Thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	2022	450	450					
3	Xây dựng cổng tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây		Thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	2022	439	439					
4	Đường BTXM đi từ nhà Ông Cao Đạt đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây		Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2023	595	595					
5	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Thần đến Phan Đức Công		Thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	2024	1.200	470	730	299	431		
III	<b>Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông DTNT</b>				36.716	31.930	4.786	4.220	566		
1	<i>Trường phổ thông DTNT tỉnh</i>			2023-2024	15.000	13.043	1.957	1.957			

S T T	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- IT	TMĐT 2021- 2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ- 11/DND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
	- Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Bổ sung, nâng cấp nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc; Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú học sinh; Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh nước sạch; Nâng cấp sửa chữa nhà kho; Nâng cấp sửa chữa các công trình phụ trợ khác				15.000	13.043	1.957	1.957			
2	<b>Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Vĩnh</b>			2022- 2023	6.186	5.382	804	804			
	- Nội dung: Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ cho giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch.			2022- 2023	5.001	4.197	804	804			
	- Nội dung: Nâng cấp, sửa chữa Khu hiệu bộ, tường rào.			2023	1.185	1.185					
3	<b>Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn</b>			2024	1.048	911	137	137			
	Nội dung: Sửa chữa khu phòng ở nội trú học sinh và khu vệ sinh chung của học sinh				1.048	911	137	137			
4	<b>Trường phổ thông DTNT thành phố Cam Ranh</b>			2022- 2023	14.482	12.594	1.888	1.322	566		
	- Bổ sung phòng bộ môn; Nâng cấp khu nội trú; Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp; Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch; Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.				14.482	12.594	1.888	1.322	566		
IV	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>				36.721	31.884	4.837	3.389	1.448		
1	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>				12.830	11.103	1.727	1.209	518		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN			2022- 2023	4.208	3.605	603	422	181		
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Giang Ly	2023	476	414	62	43	19		
3	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS		Huyện Khánh Vĩnh	2024	4.073	3.542	531	372	159		
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Trín huyện Khánh Vĩnh		Huyện Khánh Vĩnh	2025	4.073	3.542	531	372	159		
2	<b>Huyện Khánh Sơn</b>				12.560	10.922	1.638	1.147	491		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN			2022- 2023	3.938	3.424	514	360	154		
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Sơn Hiệp	2024	476	414	62	43	19		
3	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số,		Xã Sơn Hiệp	2024	4.073	3.542	531	372	159		
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Raglay huyện Khánh Sơn		TT Tô Hạp	2025	4.073	3.542	531	372	159		
3	<b>Huyện Cam Lâm</b>				815	709	106	74	32		
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN			2023	815	709	106	74	32		
4	<b>Huyện Diên Khánh</b>				271	236	35	25	10		

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ-HĐND	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NS tỉnh	NS huyện		
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN			2023	271	236	35	25	10		
<b>5</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>				<b>9.095</b>	<b>7.911</b>	<b>1.184</b>	<b>831</b>	<b>353</b>		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN			2023	949	827	122	87	35		
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số		Xã Ninh Tây	2024	4.073	3.542	531	372	159		
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Êđê thị xã Ninh Hòa		Xã Ninh Tây	2025	4.073	3.542	531	372	159		
<b>6</b>	<b>Thành phố Cam Ranh</b>				<b>1.150</b>	<b>1.003</b>	<b>147</b>	<b>103</b>	<b>44</b>		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN				674	589	85	60	25		
	- Hỗ trợ nâng cấp xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng 03 thôn xã Cam Thịnh Tây		Xã Cam Thịnh Tây	2022	401	401					
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Xã Cam Phước Đông	2023	273	188	85	60	25		
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Cam Phước Đông	2024	476	414	62	43	19		
<b>V</b>	<b>Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>				<b>14.315</b>	<b>12.448</b>	<b>1.867</b>	<b>1.447</b>	<b>420</b>		
	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN				14.315	12.448	1.867	1.447	420		
	- Phân bổ cho các sở, ngành				3.579	3.112	467	467			
	- Phân bổ cho các địa phương				10.736	9.336	1.400	980	420		